

**DAI BI THAN CHU**

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược dịch.  
Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 5/2009.

=====

No 1060

南無阿彌陀佛.

**Nam-mô A Di Đà Phật.**

誦念千手千眼無礙大悲心陀羅尼.

**Tụng niệm Thiên thủ thiên nhãn vô ngại Đại Bi tâm Đà-la-ni .**

香讚.

Hương tán:

**Ca ngợi hương .**

爐香乍熱. 法界蒙薰. 諸佛海會悉遙聞.

Lô hương sạ nhiệt. Pháp giới mông huân. Chư Phật hải hội tất dao văn.

**Lư hương vừa đốt, cõi Pháp thêm thơm. Các Phật các hội từ xa đều biết.**

隨處結祥雲. 誠意方殷. 諸佛現全身.

Tùy xứ kết tường vân. Thành ý phương ân. Chư Phật hiện toàn thân.

**Tùy xứ kết mây lành. Thành ý ân sâu. Các Phật hiện toàn thân.**

南無香雲蓋菩薩摩訶薩.

**Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma-ha-tát .**

戒香定香與慧香 . 解脫解脫知見香 .

Giới hương Định hương dữ Tuệ hương. Giải thoát giải thoát Tri-kiến hương.

**Hương Giới, hương Định và hương Tuệ . Hương Giải thoát, giải thoát ‘Thấy biết’.**

光明雲臺遍法界 . 供養十方三寶前 .

Quang minh Vân đài biến Pháp giới. Cúng dường thập phương Tam-bảo tiền.

**Đài quang chiếu sáng khắp Pháp giới. Cúng dường trước Tam-bảo mười phương .**

南無香供養菩薩摩訶薩

**Nam-mô Hương cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát.**

一心頂禮盡虛空遍法界十方三世一切常住三寶.

**Nhất tâm đỉnh lễ Tận hư không biến Pháp giới Thập Phương Tam thể nhất thiết Thường Trụ Tam-bảo.**

讚佛揭:

Tán Phật kệ:

**Bài ca ngợi Phật.**

如來妙色身 . 世間無與等 . 無比不思議 . 是故今頂禮 .

Như Lai diệu sắc thân. Thế gian vô dữ đẳng. Vô tỉ bất tư nghị. Thị cố kim đỉnh lễ.

**Thân Như Lai diệu sắc. Thế gian không sánh bằng. Không suy bàn tính toán. Vì thế nay đỉnh lễ.**

如來色無盡 . 智慧亦復然 . 一切法常住 . 是故我皈依 .

Như Lai sắc vô tận. Trí tuệ diệc phục nhiên. Nhất thiết Pháp thường trụ. Thị cố Ngã quy y.

**Thân Như Lai vô tận. Trí tuệ cũng như nhau. Tất cả Pháp thường trụ. Vì thế con đi theo.**

大智大願力 . 普度於眾生 . 令舍熱惱身 . 生彼清涼國 .

**Đại trí đại nguyện lực. Phổ độ ư chúng sinh. Linh xả nhiệt não thân. Sinh bỉ thanh lương quốc. Trí lớn lực nguyện lớn. Cứu độ khắp chúng sinh. Giúp bỏ thân phiền não. Sinh về Nước sạch mát.**

我今淨三業 . 皈依及禮讚 . 願共諸眾生 . 同生安樂刹 .

Ngã kim tịnh tam nghiệp. Quy y cập lễ tán. Nguyện cộng chư chúng sinh. Đồng sinh An lạc sát .

**Con nay ba nghiệp sạch. Đi theo lễ ca ngợi. Nguyện cùng các chúng sinh. Cùng sinh nước An lạc.**

唵 . 怕日囉勿 .

**Yêm. Phạ nhật la vật.**

天上天下無如佛 . 十方三世亦無比 .

Thiên thượng Thiên hạ vô như Phật. Thập phương Thế giới diệc vô tĩ.

**Trên Trời dưới đất không ai như Phật. Mười phương Thế giới không ai sánh được.**

世間所有我盡見 . 一切無有如佛者 .

Thế gian sở hữu ngã tận kiến. Nhất thiết vô hữu như Phật Giả.

**Phật thấy rõ hết mọi việc Thế gian. Các thứ ‘Không Có’ giống như Phật Giả.**

一心頂禮本師釋迦牟尼佛 .

**Nhất tâm đĩnh lễ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật .**

一心頂禮極樂世界阿彌陀佛 .

**Nhất tâm đĩnh lễ Cực lạc Thế giới A Di Đà Phật .**

一心頂禮九十九百千萬億佛 .

**Nhất tâm đĩnh lễ Cửu thập cửu bách thiên vạn ức Phật .**

一心頂禮十方三世一切諸佛 .

**Nhất tâm đĩnh lễ Thập phương Tam thế nhất thiết chư Phật .**

一心頂禮大悲觀世音菩薩 .

**Nhất tâm đĩnh lễ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát**

一心頂禮日光菩薩 .

**Nhất tâm đĩnh lễ Nhật Quang Bồ-tát**

一心頂禮月光菩薩

**Nhất tâm đĩnh lễ Nguyệt Quang Bồ-tát.**

發願文 .

Phát nguyện văn .

**Bài văn phát nguyện**

南無大悲觀世音! 願我速知一切法 .

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc tri nhất thiết Pháp .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh chóng biết được tất cả các Pháp.**

南無大悲觀世音! 願我早得智慧眼 .

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đắc Trí tuệ nhãn .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh được Pháp Bồ-tát.**

南無大悲觀世音! 願我速度一切眾 .

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc độ nhất thiết chúng .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh chóng cứu độ tất cả chúng sinh .**

南無大悲觀世音! 願我早得善方便 .

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đắc thiện Phương-tiện .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm được Phương-tiện tốt .**

南無大悲觀世音! 願我速乘般若船。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc thừa Bát-nhã thuyền .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh chóng ngồi thuyền Trí tuệ.**

南無大悲觀世音! 願我早得越苦海。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đắc việt khổ hải.

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm được vượt qua biển khổ .**

南無大悲觀世音! 願我速得戒定道。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc đắc Giới Định Đạo .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh được Đạo Giới Định.**

南無大悲觀世音! 願我早登涅槃山。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đăng Niết-bàn sơn.

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm được lên cõi Niết-bàn.**

南無大悲觀世音! 願我速會無為舍。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc hội Vô-vi xá.

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh chóng tới nơi hội Vô-vi**

南無大悲觀世音! 願我早同法性身。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đồng Pháp-Tính-Thân .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm hòa đồng Pháp-Tính-Thân.**

我若向刀山, 刀山自摧折。

Ngã nhược hướng đao sơn, đao sơn tự tảo chiết.

**Nếu con hồi hướng về phía núi đao, núi đao tự bẻ gãy .**

我若向火湯, 火湯自消滅。

Ngã nhược hướng hỏa thang, hỏa thang tự tiêu diệt.

**Nếu con hồi hướng về phía vạc dầu, vạc dầu tự tiêu diệt.**

我若向地獄, 地獄自枯竭。

Ngã nhược hướng Địa ngục, Địa ngục tự khô kiệt .

**Nếu con hồi hướng về nơi Địa ngục, Địa ngục tự khô héo .**

我若向餓鬼, 餓鬼自飽滿。

Ngã nhược hướng Ngạ quỷ, Ngạ quỷ tự bão mãn .

**Nếu con hồi hướng về phía Quỷ đói, Quỷ đói tự nhiên được no đủ.**

我若向修羅, 惡心自調伏。

Ngã nhược hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục .

**Nếu con hồi hướng về phía Tu-la, tâm ác tự điều phục.**

我若向畜生, 自得大智慧。

Ngã nhược hướng súc sinh, tự đắc đại Trí tuệ.

**Nếu con hồi hướng về phía súc sinh, tự được Trí tuệ lớn.**

開經揭。

Khai Kinh kệ.

**Bài kệ mở Kinh.**

無上甚深微妙法. 百千萬劫難遭遇。

Vô Thượng thậm thâm vi diệu Pháp. Bách thiên vạn Kiếp nan tao ngộ.

**Pháp Bình Đẳng thâm sâu màu nhiệm. Trăm nghìn vạn Kiếp khó gặp được.**

我今見聞得受持. 願解如來真實義。

Ngã kim kiến văn đắc thụ trì. Nguyện giải Như Lai chân thực nghĩa.

**Con nay nghe thấy liền ghi nhớ. Nguyện hiểu nghĩa chân thực của Phật.**

淨口業真言 :

**Tịnh khẩu nghiệp chân ngôn :**

唵 . 修唎修唎 , 摩訶修唎 , 修修唎 , 薩婆訶 .

**Yểm . Tu lị tu lị , ma ha tu lị , tu tu lị , tát bà ha .**

淨身業真言 :

**Tịnh thân nghiệp chân ngôn :**

唵 . 修哆唎 , 修哆唎 , 修摩唎 , 修摩唎 , 薩婆訶 .

**Yểm . Tu đa lị , tu đa lị , tu ma lị , tu ma lị , tát bà ha .**

淨意業真言 :

**Tịnh ý nghiệp chân ngôn :**

唵 . [口\*縛] 日囉怛訶賀斛 .

**Yểm . Phục nhật la đất ha hạ hộc .**

淨三業真言 :

**Tịnh tam nghiệp chân ngôn :**

唵 . 娑[口\*縛] , 娑[口\*縛] , 秣 馱 娑[口\*縛] , 達摩娑[口\*縛] , 婆[口\*縛] 秣 度憾 .

**Yểm . Sa phục , sa phục , thuật đà sa phục , đạt ma sa phục , bà phục thuật độ hám .**

安土地真言 :

**An thổ địa chân ngôn :**

南無三滿哆沒馱喃 . 唵 . 度嚕度嚕 , 地尾 , 薩婆訶 .

**Nam mô tam mãn đa một đà nam . Yểm . Độ lỗ độ lỗ , địa vĩ , tát bà ha .**

普供養真言 :

**Phổ cúng dường chân ngôn :**

唵 . [言我] [言我] 嚩三婆[口\*縛] 伐日囉斛 .

**Yểm . Nga nga nãng tam bà phục , phạt nhật la hộc .**

南無千手千眼無礙大悲心陀羅尼 .

**Nam mô Thiên thủ thiên nhãn vô ngại Đại Bi tâm Đà-la-ni .**

南無喝囉怛那哆囉夜(口\*耶) . 南無阿唎(口\*耶) . 婆盧羯帝爍鉢囉(口\*耶) .

**Nam mô hát la đất la đa la dạ da . Nam mô a lị da . Bà lô yết đế thước bát la da .**

菩提薩陁婆(口\*耶) . 摩訶薩陁婆(口\*耶) . 摩訶迦盧尼迦(口\*耶) . 唵 .

**Bồ đề tát đỏa bà da . Ma ha tát đỏa bà da . Ma ha ca lô ni ca da . Yểm .**

薩磔囉罰曳 . 數怛那怛寫 . 南無悉吉利埵伊蒙阿唎(口\*耶) .

**Tát bà la phạt duệ . Số đất na đất tả . Nam mô tất cát lợi đỏa y môn a lị da .**

婆盧吉帝室佛囉(口\*楞)馱婆 . 南無那囉謹墀 . 醯唎摩訶磔哆沙咩 .

**Bà lô cát đế thất Phật la lăng đà bà . Nam mô na la cẩn trì . Ê lị ma ha bà đa sa mị .**

薩婆阿他豆輸朋 . 阿逝孕 . 薩婆薩哆那摩婆薩哆那摩婆伽 .

**Tát bà a tha đậu du bằng . A thệ dựng . Tát bà tát đa , na ma bà tát đa , na ma bà già .**

摩罰特豆 . 怛姪他 . 唵 . 阿婆盧醯 . 盧迦帝 . 迦羅帝 . 夷醯唎 .

**Ma phạt đặc đậu . Đất diệt tha . Yểm a bà lô ê . Lô ca đế . Ca la đế . Di ê lị .**

摩訶菩提薩埵 . 薩婆薩婆 . 摩羅摩羅 . 摩醯摩醯唎馱孕 .

**Ma ha Bồ đề tát đỏa . Tát bà tát bà . Ma la ma la . Ma ê ma ê lị đà dựng .**

俱盧俱盧羯憐 . 度盧度盧罰闍耶帝 . 摩訶罰闍耶帝 .

**Câu lô câu lô yết môn . Độ lô độ lô phạt xà da đế . Ma ha phạt xà da đế .**

陀羅陀羅 . 地利尼 . 室佛囉耶 . 遮羅遮羅 . 摩摩罰摩囉 . 穆帝囉 .

**Đà la đà la . Địa lợi ni . Thất Phật la da . Già la già la . Ma ma phạt ma la . Mục đế lệ .**

伊醯移醯 . 室那室那 . 阿囉嚩佛囉舍利 . 罰沙罰嚩 . 佛羅舍耶 .

**Y ê di ê . Thất na thất na . A la sám Phật la xá lợi . Phạt sa phạt sám . Phật la xá da .**

呼嚧呼嚧摩囉。呼嚧呼嚧醯利。娑囉娑囉。悉利悉利。蘇嚧蘇嚧。  
**Hô lô hô lô ma la. Hô lô hô lô ê lợi. Sa la sa la. Tát lợi tát lợi. Tô lô tô lô.**  
菩提夜菩提夜。菩馱夜菩馱夜。彌帝利夜。那囉謹墀。地唎瑟尼那。  
**Bồ đề dạ Bồ đề dạ. Bồ đà dạ Bồ đà dạ. Di đế lợi dạ. Na la cần trì. Địa lệ sất ni na.**  
波夜摩那。娑婆訶。悉陀夜。娑婆訶。摩訶悉陀夜。娑婆訶。悉陀喻藝。  
**Ba dạ ma na. Sa bà ha. Tát đà dạ . Sa bà ha. Ma ha tát đà dạ. Sa bà ha. Tát đà dụ nghệ.**  
室幡囉耶。娑婆訶。那囉謹墀。娑婆訶。摩囉那囉。娑婆訶。  
**Thất bà la da. Sa bà ha. Na la cần trì. Sa bà ha. Ma la na la. Sa bà ha.**  
悉囉僧阿穆佉耶。娑婆訶。娑婆摩訶阿悉陀夜。娑婆訶。  
**Tất la tăng a mục khư da. Sa bà ha. Sa bà ma ha a tát đà dạ. Sa bà ha.**  
者吉囉阿悉陀夜。娑婆訶。波陀摩羯悉哆夜。娑婆訶。  
**Giả cát la a tát đà dạ. Sa bà ha. Ba đà ma yết tát đà dạ. Sa bà ha.**  
那囉謹墀幡伽囉(口\*耶)。娑婆訶。摩婆利勝羯囉夜。娑婆訶。  
**Na la cần trì bà già la da. Sa bà ha. Ma bà lợi thắng yết la dạ. Sa bà ha.**  
南無喝囉怛那哆囉夜耶。南無阿唎(口\*耶)。婆嚧吉帝。  
**Nam mô hát la đát na đa la dạ da. Nam mô a lệ da. Bà lô cát đế.**  
爍幡囉夜。娑婆訶。唵。悉殿都曼哆囉鉢馱耶。娑婆訶。  
**Thước bà la dạ. Sa bà ha. Yêm . Tát điện đô mạn đa la bát đà da. Sa bà ha.**  
懺悔揭。

Sám hối kệ.

**Bài kệ Sám hối.**

往昔所造諸惡業。皆由無始貪瞋癡。

Vãng tích sở tạo chư ác Nghiệp. Giai do vô thủy Tham Sân Si.

**Xa xưa tạo thành các Nghiệp ác. Do Tham- Sân- Si có từ lâu.**

從身口意之所生。今對佛前求懺悔。

Tòng thân khẩu ý chi sở sinh. Kim đối Phật tiền giai Sám hối.

**Được sinh ra theo Thân-Khẩu- Ý. Nay trước Phật con xin Sám hối.**

罪從心起相心懺。心若滅時罪亦亡。

Tội tòng tâm khởi tương tâm Sám . Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.

**Sám hối tội lỗi do Tâm tạo. Tội cũng mất khi mà Tâm mất.**

心滅罪亡兩句空。是則為名真懺悔。

Tâm diệt tội vong lưỡng câu không . Thị tắc vi danh chân Sám hối.

**Tâm- Tội mất hết hai đều ‘rỗng không’. Mới là chân thực việc Sám hối.**

稽首四方安樂國。接引眾生大道師。

Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo Sư.

**Phục lễ Tây Phương nước An Lạc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo Sư.**

我今發願願往生。唯願慈悲哀攝受。

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sinh. Duy nguyện Từ Bi ai nhiếp thụ.

**Nay Con phát nguyện nguyện vãng sinh. Xin nguyện xót thương tiếp nhận.**

三皈依。

Tam Quy Y.

**Ba Quy Y.**

自皈依佛，當願眾生。體解大道，發無上心。

Tự Quy Y Phật, đương nguyện chúng sinh. Thể giải Đại Đạo, phát Vô- thượng tâm.

**Tự Quy Y Phật, đương nguyện chúng sinh. Hiểu rõ Đạo Lớn, phát tâm Bình Đẳng (1 lễ).**

自皈依法,當願眾生.深入經藏智慧如海.

**Tự Quy Y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí tuệ như hải.**

**Tự Quy Y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí Tuệ như biển(1 lễ).**

自皈依僧,當願眾生.統理大眾一切無礙.

**Tự Quy Y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Thống lý Đại Chúng, nhất thiết vô ngại.**

**Tự Quy Y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Dẫn dắt Đại Chúng, tất cả không trở ngại ( 1 lễ )**  
和南聖眾.

Hoà nam Thánh chúng.

**Hoà cùng các Thánh.**

禮經功德殊勝行.無邊勝福皆回向.

**Lễ Kinh công đức thù thắng hành. Vô biên thắng phúc giai hồi hướng.**

**Lễ Kinh đượ công đức đặc biệt. Đượ phúc vô biên đều hồi hướng.**

普願沉溺諸眾生.速往無量光佛刹.

**Phổ nguyện trầm溺 chư chúng sinh. Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.**

**Nguyện khắp chúng sinh đang trầm luân. Nhanh tới đất Phật Vô Lượng Quang.**

十方三世一切佛.一切菩薩摩訶薩.摩訶般若波羅密.

文殊`普賢`觀自在.摩訶般若波羅密.

**Thập phương Tam Thế nhất thiết Phật. Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát. Văn Thù- Phổ Hiền- Quan Tự Tại. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.**

**Mười phương Ba Đòai tất cả Phật. Tất cả Bồ Tát Đại Bồ Tát. Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Thế Âm. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.**

自皈依佛,兩足尊.自皈依法,離欲尊.自皈依僧,眾中尊.

**Tự Quy Y Phật, lưỡng túc Tôn. Tự Quy y Pháp, ly dục Tôn. Tự Quy Y Tăng, Chúng trung Tôn.**

**Tự Quy Y Phật, đủ Phúc Đức- Trí Tuệ. Tự Quy Y Pháp, ly rời dục. Tự Quy Y Tăng, thành người tôn quý.**

自皈依佛,不墮地獄.自皈依法,不墮餓鬼.自皈依僧,不墮畜生.

**Tự Quy Y Phật, bất đoạ Địa Ngục. Tự Quy Y Pháp bất đoạ Ngạ Quỷ. Tự Quy Y Tăng bất đoạ Súc Sinh.**

**Tự Quy Y Phật, không đoạ Địa Ngục. Tự Quy Y Pháp, không đoạ Quỷ Đói. Tự Quy Y Tăng, không đoạ Súc Sinh.**

南無西方極樂世界.三十六萬億.一十一萬.九千五百.同名同號.大慈大悲.接引道師阿彌陀佛.

**Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tam Thập Lục Vạn Úc. Nhất Thập Nhất Vạn. Cửu Thiên Ngũ Bách. Đồng Danh Đồng Hiệu. Đại Từ Đại Bi. Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.**

眾生無邊誓願度.煩惱無盡誓願斷.法門無量誓願學.佛道無上誓願成.

**Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật Đạo Vô-Thượng thệ nguyện thành.**

**Thệ nguyện độ vô biên Chúng sinh. Thệ nguyện đoạn tất cả Phiền não. Thệ nguyện học vô lượng môn Pháp. Thệ nguyện thành Đạo Phật Bình Đẳng .**

自性眾生誓願度.自性煩惱誓願斷.自性法門誓願學.自性佛道誓願成.

**Tự Tính chúng sinh thệ nguyện độ. Tự Tính phiền não thệ nguyện đoạn. Tự Tính Pháp Môn thệ nguyện học. Tự Tính Phật đạo thệ nguyện thành.**

**Thệ nguyện độ Tự Tính chúng sinh. Thệ nguyện đoạn Tự Tính Phiền não. Thệ nguyện học Tự Tính các Pháp. Thệ nguyện thành Tự Tính Đạo Phật.**

願消三障諸煩惱.願得智慧真明了.普願災障悉消除.世世常行菩薩道.

Nguyện tiêu Tam Chương chur phiền não. Nguyện đắc Trí Tuệ chân minh liễu. Phổ nguyện Tai Chương tất tiêu trừ. Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo.

**Nguyện tiêu Ba Chương và Phiền não. Nguyện được Trí Tuệ chân sáng tỏ. Nguyện mọi Tai Chương tiêu trừ hết. Đòi đòi thường hành Đạo Bồ Tát.**

願生西方淨土中.九品蓮華為父母.花開見佛悟無生.不退菩薩為半侶.

Nguyện sinh Tây Phương Tịnh Độ trung. Cửu Phẩm Liên Hoa vi Phụ Mẫu. Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sinh. Bất Thoái Bồ Tát vi bạn lữ.

**Nguyện sinh trong nước Cực Lạc. Chín Phẩm Đài Sen là Cha Mẹ. Hoa nở thấy Phật hiểu ‘Không Sinh’. Bất Thoái Bồ Tát là Chúng Bạn.**

願以此功德.消除宿現業.增長諸福慧.

Nguyện dĩ thử công đức. Tiêu trừ túc hiện Nghiệp. Tăng trưởng chur Phúc Tuệ.

**Nguyện đem công đức này, tiêu trừ Nghiệp trước nay. Tăng thêm các Phúc Tuệ.**

圓成勝善根.所有刀兵劫.及與飢饉等.

Viên thành thắng thiện Căn. Sở hữu đao binh Kiếp. Cập dữ cơ cận đẳng.

**Đầy đủ các Căn thiện. Nếu có Kiếp đao binh. Cùng với Kiếp đói khổ.**

皆悉盡消除.人各習禮讓.讀誦受持人.

Giai tất tận tiêu trừ. Nhân các tập lễ nhượng. Độc tụng thụ trì Nhân.

**Đều tất tiêu trừ hết. Nhân Từ và lễ nhượng. Người ghi nhớ đọc tụng.**

展轉流通者.現眷咸安樂.先亡獲超升.

Triển chuyển lưu thông giả. Hiện quyến hàm an lạc. Tiên vong hoạch siêu thăng.

**Người phát triển lưu thông. Gia đình được an lạc. Người mất được siêu thăng.**

風雨常調順.人民悉康寧.法界諸含識.

Phong vũ thường điều thuận. Nhân dân tất khang ninh. Pháp Giới chur hàm Thức.

**Mưa gió thường hoà thuận. Nhân dân được an khang thịnh vượng. Pháp Giới và các Thức.**

同證無上道。

Đồng chứng Vô-thượng Đạo.

**Cùng chứng Đạo Bình Đẳng.**

願以此功德.莊嚴佛淨土.上報四重恩.

Nguyện dĩ thử công đức. Trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Thượng báo Tứ Trọng Ân.

**Nguyện đem công đức này. Trang nghiêm Đất Phật Tịnh. Trên báo Bốn Ân Lớn (ân Trời Đất, ân Quốc Gia, ân Thầy, ân Chúng Sinh),**

下濟三塗苦.若有見聞者.悉發菩提心.

Hạ tế Tam Đồ Khổ. Nhược hữu kiến văn giả. Tất phát Bồ Đề tâm.

**Dưới cứu Ba Đường Khổ (Địa Ngục, Quỷ Đói, Súc Sinh). Nếu có người thấy nghe. Tất phát tâm Bồ Đề.**

盡此一報身.同生極樂國.

Tận thử nhất báo thân. Đồng sinh Cực Lạc quốc.

**Cuối hết báo thân này. Cùng sinh nước Cực Lạc.**

十方三世一切佛.一切菩薩摩訶薩.摩訶般若波羅密.

Thập Phương Tam Thế nhất thiết Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

**Mười phương Ba Đòit tất cả các Phật, tất cả các Bồ Tát Đại Bồ Tát. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.**  
願以此功德. 普及於一切. 我等與眾生. 皆共成佛道.

**Nguyện dữ thử công đức. Phổ cập u nhất thiết. Ngã đẳng dữ chúng sinh. Giai cộng thành Phật đạo.**

**Nguyện đem công đức này. Ban khắp cho tất cả. Chúng con và chúng sinh. Đều được thành Đạo Phật.**

收經揭:

Thu Kinh kệ.

**Bài kệ thu Kinh.**

三涂永急常離苦. 六趣休隨汨沒因. 河沙含識悟真如. 萬類有情登彼岸.

Tam-Đồ vĩnh tức thường ly Khổ. Lục Thú hưu tùy Mịch một nhân. Hà sa hàm thức ngộ Chân Như. Vạn loại Hữu-Tình đăng bỉ Ngạn

**Ba Đường Ác dứt thường hết Khổ. Sáu Đạo ngơi nghỉ hết nổi chìm. Hà sa các Thức hiểu ‘Chân Như’. Vạn loại Hữu tình đều thành Phật.**

南無阿彌陀佛.

Nam-mô A Di Đà Phật.

No 1060

無礙大悲心陀羅尼經

Vô ngại Đại-Bi tâm Đà-la-ni Kinh.

**Kinh Vô ngại Đại Bi tâm Đà-la-ni.**

唐西天竺沙門伽梵達摩譯

**Đường Tây Thiên-Trúc Sa-môn Già-phạm Đạt-ma dịch.**

如是我聞：一時，釋迦牟尼佛在補陀落迦山，

Như thị ngã văn : nhất thời , Thích Ca Mâu Ni Phật tại Bồ đà lạc ca sơn,

**Tôi nghe như thế: Thời đó Thích Ca Mâu Ni Phật ở núi Bồ-đà lạc-ca,**

觀世音宮殿，寶莊嚴道場中，坐寶師子座。

Quan-thế-âm cung điện , bảo trang nghiêm Đạo tràng trung , tọa bảo sư tử tòa .

**ngồi trên tòa Pháp bảo trong Đạo tràng tại cung điện bảo trang nghiêm của Quan-thế-âm**

其座純以無量雜摩尼寶，而用莊嚴，百寶幢旛，周匝懸列。

Kỳ tòa thuần dĩ vô lượng tạp Ma-ni bảo, nhi dụng trang nghiêm, bách bảo tràng phan, châu tấp huyền liệt .

**Tòa báu đó toàn sử dụng các loại ngọc quý Như ý dùng để trang nghiêm, trăm tràng phan báu,**

**treo la liệt xung quanh.**

爾時如來於彼座上，將欲演說總持陀羅尼故，與無央數菩薩摩訶薩俱。

Nhĩ thời Như Lai ư bỉ toà thượng , tương dục diễn thuyết tổng trì Đà-la-ni cố, dữ vô ương số Bồ-Tát Ma-ha-tát câu .

**Lúc đó Như Lai ngồi trên tòa đó, do sắp sửa muốn diễn thuyết Tổng trì Đà-la-ni, cùng với vô số Đại Bồ-tát tham dự.**

其名曰：總持王菩薩、寶王菩薩、藥王菩薩、藥上菩薩、



Kỳ danh viết : Tổng trì Vương Bồ-tát , bảo Vương Bồ-tát , Dược Vương Bồ-tát , Dược Thượng Bồ-tát ,

**Tên họ là: Tổng trì Vương Bồ-tát, Bảo Vương Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát,**

觀世音菩薩、大勢至菩薩、華嚴菩薩、大莊嚴菩薩、

Quan Thế Âm Bồ-tát , Đại Thế Chí Bồ-tát , Hoa nghiêm Bồ-tát , Đại trang nghiêm Bồ-tát ,

**Quan Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Hoa nghiêm Bồ-tát, Đại trang nghiêm Bồ-tát,**  
寶藏菩薩、德藏菩薩、金剛藏菩薩、

Bảo tạng Bồ-tát , Đức tạng Bồ-tát , Kim Cương tạng Bồ-tát ,

**Bảo tạng Bồ-tát, Đức tạng Bồ-tát, Kim Cương tạng Bồ-tát,**

虛空藏菩薩、彌勒菩薩、普賢菩薩、文殊師利菩薩、

Hư-không-tạng Bồ-tát , Di Lạc Bồ-tát , Phổ Hiền Bồ-tát , Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát,

**Hư-không-tạng Bồ-tát, Di Lạc Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát,**

如是等菩薩摩訶薩，皆是灌頂大法王子。

như thị đẳng Bồ-Tát Ma-ha-tát , giai thị quán đảnh Đại Pháp-vương Tử .

**Các Bồ-tát Đại Bồ-tát như thế, đều đôn về phía Thầy Đại Pháp-vương .**

又與無量無數大聲聞僧，皆行阿羅漢十地，摩訶迦葉，而為上首。

hựu dữ vô lượng vô số Đại Thanh-văn Tăng , giai hành A-la-hán Thập Địa, Ma-ha Ca-diệp ,  
nhi vi thượng thủ .

**Lại cùng với vô lượng vô số Đại Thanh-văn Tăng, đều hành Thập địa A-la-hán, Ma-ha Ca-diệp là người đứng đầu.**

又與無量梵摩羅天，善吒梵摩，而為上首。

Hựu dữ vô lượng Phạm-ma-la Thiên, Thiện tra Phạm ma, nhi vi thượng thủ.

**Lại cùng với vô lượng cõi Trời Phạm-ma-la, Thiện tra Phạm-ma là người đứng đầu.**

又與無量欲界諸天子俱，瞿婆伽天子，而為上首。

Hựu dữ vô lượng Dục-giới chư Thiên Tử câu , Cù-bà-già Thiên Tử, nhi vi thượng thủ .

**Lại cùng với vô lượng các Thiên Tử cõi Dục-giới tham dự, Cù-bà-già Thiên Tử là người đứng đầu.**

又與無量護世四王俱，提頭賴吒，而為上首。

Hựu dữ vô lượng hộ thế Tứ-vương câu, Đề -đầu-lại-tra, nhi vi thượng thủ .

**Lại cùng với vô lượng hộ thế Bốn Thiên-vương đều tham dự, Đề-đầu-lại-tra là người đứng đầu.**

又與無量天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人等俱，天德大龍王，而為上首。

Hựu dữ vô lượng Thiên , Long , Dạ-xoa , Kiền-thất-bà , A-tu-la , Ca-lâu-la , Khẩn-na-la ,  
Ma-hầu-la-già , nhân , phi nhân đẳng câu, Thiên-đức Đại Long-vương, nhi vi thượng thủ .

**Lại cùng với vô lượng Trời Rồng Dạ-xoa, Kiền-thất-bà A-tu-la Ca-lâu-la, Khẩn-na-la Ma-hầu-la-già, người không phải người cùng tham dự, Thiên-đức Đại Long-vương là người đứng đầu.**

又與無量欲界諸天女俱，童目天女，而為上首。

Hựu dữ vô lượng Dục-giới chư Thiên nữ câu, Đồng-mục Thiên nữ, nhi vi thượng thủ .

**Lại cùng với vô lượng các Thiên nữ cõi Dục-giới cùng tham dự , Đồng-mục Thiên nữ là người đứng đầu.**

又與無量虛空神、江海神、泉源神、河沼神、藥草神、樹林神、舍宅神、水神、

Hạ dư vô lượng hư không Thần, giang hải Thần, tuyền nguyên Thần, hà chiếu Thần, được thảo Thần, thụ lâm Thần, xá trạch Thần, thủy thần,

Lại cùng với vô lượng Thần trong không, Thần sông biển Thần suối nguồn nước Thần nương ao, Thần cây thuốc Thần cây rừng Thần nhà cửa, Thần nước

火神、地神、風神、土神、山神、石神、宮殿等神，皆來集會。

hỏa thần, địa thần, Phong Thần, thổ Thần, sơn Thần, thạch Thần, cung điện đẳng Thần, giai lai tập hội

Thần lửa Thần đất Thần gió, Thần thổ công Thần núi Thần đá các Thần cung điện, đều tới tập trung trong hội.

時觀世音菩薩，於大會中密放神通，光明照耀，十方剎土及此三千大千世界，皆作金色。Thời Quan Thế Âm Bồ-tát, ở Đại hội trung mật phóng Thần thông, quang minh chiếu diệu, thập phương sát thổ cập thử Tam thiên Đại thiên Thế giới, giai tác kim sắc.

Lúc đó Quan Thế Âm Bồ-tát, ở trong Đại hội bí mật phóng Thần thông, quang minh chiếu rọi mười phương đất Phật cùng với Ba nghìn Đại thiên Thế giới, đều màu sắc vàng.

天宮、龍宮、諸尊神宮，皆悉震動；江河、大海、鐵圍山、須彌山、土山、黑山，亦皆大動。

Thiên cung, Long cung, chư tôn Thần cung, giai tất chấn động; giang hà, đại hải, Thiết vi sơn, Tu-di sơn, thổ sơn, hắc sơn, diệc giai đại động.

Thiên cung Long cung cung điện các Tôn thần, tất cả đều chấn động, sông ngòi biển lớn núi Thiết vi núi Tu-di núi đất Hắc sơn, cũng đều rung động lớn.

日、月、珠、火、星宿之光，皆悉不現。

Nhật, Nguyệt, châu, hỏa, Tinh tú chi quang, giai tất bất hiện.

Ánh sáng mặt Trời, mặt Trăng, ánh lửa, ánh của Châu ngọc, ánh sáng của Tinh tú, tất cả đều không xuất hiện.

於是總持王菩薩，見此希有之相，怪未曾有。即從座起，叉手合掌，以偈問佛，

Ư thị Tổng-trì -Vương Bồ-tát, kiến thử hi hữu chi tướng, quái vị tăng hữu. Tức tông toà khởi, xoa thủ hợp chưởng, dĩ kệ vấn Phật,

Lúc đó Tổng-trì -Vương Bồ-tát, nhìn thấy cảnh hiếm có đó, lạ chưa từng có. Tức thì từ chỗ ngồi đứng dậy, xoa chấp tay, dùng kệ hỏi Phật,

如此神通之相，是誰所放？以偈問曰：

Như thử thần thông chi tướng, thị thùy sở phóng? dĩ kệ vấn viết：

Cảnh Thần thông như thế này, là do ai phóng? Dùng kệ hỏi rằng：

誰於今日成正覺? 普放如是大光明。

Thùy ư kim nhật thành Chính giác? phổ phóng như thị đại quang minh

Ai thành Chính giác ngày hôm nay, quang sáng lớn đó chiếu khắp nơi.

十方剎土皆金色，三千世界亦復然。

Thập phương sát thổ giai kim sắc, Tam thiên Thế giới diệc phục nhiên.

Mười phương đất Phật đều sắc vàng, Ba nghìn Thế giới cũng như thế.

誰於今日得自在? 演放希有大神力，

Thùy ư kim nhật đắc Tự tại? diễn phóng hi hữu Đại Thần lực,

Ai nay có được sự Tự tại, phóng Đại thần lực hiếm có này,

無邊佛國皆震動，龍神宮殿悉不安。

Vô biên Phật quốc giai chấn động, Long Thần cung điện tất bất an.

Vô biên đất Phật đều chấn động, Rồng Thần cung điện đều lung lay.

今此大眾咸有疑，不測因緣是誰力?

Kim thử Đại chúng hàm hữu nghi, bất trắc Nhân duyên thị thùy lực?

**Tất cả Đại chúng nay đều nghi, không biết Nhân duyên lực của ai ?**

為佛菩薩大聲聞？為梵魔天諸釋等？

**Vi Phật Bò-tát đại Thanh-văn ? vi Phạm Ma Thiên chư Thích đẳng ?**

**Là Phật Bò-tát Đại Thanh-văn ? là Trời Phạm Ma Đế Thích chẳng ?**

唯願世尊大慈悲，說此神通所由以！

Duy nguyện Thế Tôn đại từ bi, thuyết thử Thần thông sở do dĩ!

**Mong muốn Thế Tôn Đại Từ Bi, thuyết Thần thông đó bởi do gì!**

佛告總持王菩薩言：善男子！汝等當知，今此會中，有一菩薩摩訶薩，

Phật cáo Tổng trì Vương Bò-tát ngôn : Thiện nam tử ! Nhữ đẳng đương tri, kim thử hội trung, hữu nhất Bò-Tát Ma-ha-tát,

**Phật bảo Tổng trì Vương Bò-tát rằng : Ngài nam thiện ! Các Ngài cần biết, nay ở trong hội này có Bò-tát Đại Bò-tát,**

名曰：觀世音自在。從無量劫來，成就大慈大悲，

danh viết : Quan Thế Âm Tự tại , tông vô lượng Kiếp lai, thành tựu Đại Từ Đại Bi,

**tên là : Quan Thế Âm Tự tại, từ vô lượng Kiếp tới nay, thành công Đại Từ Đại Bi,**

善能修習無量陀羅尼門，為欲安樂諸眾生故，密放如是大神通力。

thiện năng tu tập vô lượng Đà-la-ni môn, vị dục an lạc chư chúng sinh cố, mật phóng như thị Đại Thần thông lực.

**hay năng tu tập vô lượng môn Đà-la-ni, vì cố muốn giúp chúng sinh an lạc, bí mật phóng Lực Đại Thần thông như thế.**

佛說是語已。爾時觀世音菩薩，從座而起，整理衣服，向佛合掌，白佛言：

Phật thuyết thị ngữ dĩ . Nhĩ thời Quan Thế Âm Bò-tát, tông tòa nhi khởi , chỉnh lý y phục, hướng Phật hợp chưởng, bạch Phật ngôn :

**Phật nói xong lời này. Khi đó Quan Thế Âm Bò-tát, rời chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh trang áo quần, hướng về Phật chấp tay, bạch Phật rằng :**

世尊！我有大悲心陀羅尼呪，今當欲說。

Thế Tôn ! Ngã hữu Đại Bi tâm Đà-la-ni chú, kim đương dục thuyết .

**Thế-Tôn ! Con có Đại Bi tâm Đà-la-ni thần chú, nay muốn thuyết nó .**

為諸眾生得安樂故，除一切病故，得壽命故，得富饒故，

Vị chư chúng sinh đắc an lạc cố, trừ nhất thiết bệnh cố, đắc thọ mệnh cố, đắc phú nhiều cố,

**Cố vì các chúng sinh được an lạc, trừ hết tất cả bệnh tật, được thọ mệnh, được giàu có phong**

**lu,**

滅除一切惡業、重罪故，離障難故，增長一切白法諸功德故，

diệt trừ nhất thiết ác nghiệp、trọng tội cố, ly chướng nạn cố, tăng trưởng nhất thiết bạch Pháp chư công đức cố,

**diệt trừ tất cả nghiệp dữ tội nặng, rời bỏ các tai chướng nạn ách, tăng thêm tất cả các Pháp**

**sạch các công đức,**

成就一切諸善根故，遠離一切諸怖畏故，速能滿足一切諸希求故。

thành tựu nhất thiết chư thiện căn cố, viễn ly nhất thiết chư bố úy cố, tốc năng mãn túc nhất thiết chư hi cầu cố.

**thành công tất cả các Căn thiện, rời bỏ xa tất cả các sợ hãi, nhanh chóng đầy đủ tất cả các hi**

**vọng cầu mong.**

惟願世尊，慈哀聽許！佛言：善男子！汝大慈悲，安樂眾生。

Duy nguyện Thế Tôn, từ ai thỉnh hứa ! Phật ngôn : Thiện nam tử ! Nhữ Đại Từ Bi, an lạc chúng sinh .

**Mong muốn Thế Tôn thương cảm lắng nghe ! Phật rằng : Ngài nam thiện ! Ngài Đại Từ Bi, an lạc chúng sinh.**

欲說神呪，今正是時，宜應速說。如來隨喜，諸佛亦然。

**Dục thuyết Thần chú, kim chính thị thời, nghi ưng tốc thuyết . Như Lai tùy hỷ, chư Phật diệc nhiên .**

**Muốn nói Thần chú, nay chính là đúng dịp, nên nhanh chóng nói . Như Lai vui theo, các Phật cũng như thế .**

觀世音菩薩重白佛言：世尊！我念過去無量億劫，有佛出世，

**Quan Thế Âm Bồ-tát trùng bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã niệm Quá khứ vô lượng ức kiếp, hữu Phật xuất thế,**

**Quan Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Con nhớ lại thời Quá khứ vô lượng triệu kiếp, có Phật xuất thế ,**

名曰“千光王靜住如來”。彼佛世尊憐念我故，及為一切諸眾生故，

**danh viết : Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai . Bỉ Phật Thế Tôn lân niệm Ngã cố, cập vị nhất thiết chư chúng sinh cố,**

**tên hiệu : Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai . Phật Thế Tôn đó do vì thương nhớ con và tất cả chúng sinh ,**

說此“廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼”。

thuyết thử Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-la-ni .

**thuyết Thần chú Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-la-ni .**

以金色手摩我頂上作如是言：善男子！汝當持此心呪，

**Dĩ kim sắc thủ ma Ngã đỉnh thượng tác như thị ngôn : Thiện nam tử ! Nhữ đương trì thử tâm chú,**

**Dùng tay sắc vàng xoa đỉnh đầu con mà nói rằng: Ngài nam thiện! Ngài cần ghi nhớ Chú này trong tâm,**

普為未來惡世一切眾生，作大利樂。

**phổ vị Vị lai ác thế nhất thiết chúng sinh, tác đại lợi lạc.**

**vì tất cả chúng sinh trong Đồi ác thời Tương lai, làm điều lợi lạc lớn.**

我於是時，始住初地，一聞此呪故，超第八地。

Ngã ư thị thời, thủy trụ sơ địa, nhất văn thử chú cố, siêu đệ bát địa.

**Con lúc đó mới là Hoan-hỷ-địa Bồ-tát (Bồ-tát bậc một), do nghe chú đó một lượt, vượt chuyển thành Bất-động-địa Bồ-tát (Bồ-tát bậc tám).**

我時心歡喜故，即發誓言：若我當來，堪能利益、安樂一切眾生者，

**Ngã thời tâm hoan hỷ cố, tức phát thệ ngôn : Nhược Ngã đương lai , kham năng lợi ích 、 an lạc nhất thiết chúng sinh giả ,**

**Tâm con lúc đó rất vui mừng, tức thì phát thệ nguyện rằng : Nếu con tương lai, năng chịu khó lợi ích an lạc tất cả chúng sinh ,**

令我即時，身生千手、千眼具足。發是願已，應時身上，千手千眼，悉皆具足；

**linh Ngã tức thời, thân sinh thiên thủ 、 thiên nhãn cụ túc. Phát thị nguyện dĩ, ưng thời thân thượng, thiên thủ thiên nhãn, tất giai cụ túc .**

**tức thời giúp con, thân sinh đầy đủ nghìn tay nghìn mắt. Phát nguyện đó xong, kíp thời trên thân, nghìn tay nghìn mắt, tất cả đều đầy đủ.**

十方大地，六種震動。十方千佛 悉放光明，

**Thập phương đại địa, lục chủng chấn động . Thập phương thiên Phật, tất phóng quang minh , Mười phương Đất Phật, sáu loại chấn động . Nghìn Phật mười phương, tất cả đều phóng quang minh,**

照觸我身，及照十方無邊世界。從是已後，復於無量佛所、無量會中，  
chiếu xúc Ngã thân, cập chiếu thập phương vô biên Thế giới . Tòng thị dĩ hậu, phục ư vô  
lượng Phật sở 、 vô lượng hội trung,

**Chiếu trực tiếp vào thân con, cũng chiếu soi thập phương vô biên thế giới . Từ đó về sau, lại  
cũng ở nơi vô lượng các Phật, trong vô lượng hội,**

重更得聞，親承受持，是陀羅尼。復生歡喜，踊躍無量，

trùng cánh đắc văn, thân thừa thụ trì, thị Đà-la-ni. Phục sinh hoan hỷ, dũng dục vô lượng,  
**lại nhiều lần được nghe, con ghi nhớ được Đà-la-ni chú đó. Lại càng vui mừng dũng mãnh vô  
lượng,**

便得超越無數億劫微細生死。從是已來，常所誦持，

tiện đắc siêu việt vô số ức kiếp vi tế sinh tử . Tòng thị dĩ lai, thường sở tụng trì,

**liên được vượt qua vô số ức Kiếp sinh tử nhỏ bé. Từ đó đến nay, thường luôn tụng trì,**

未曾廢忘，由持此呪故，所生之處，恒在佛前，蓮華化生，不受胎藏之身。

未曾廢忘，由持此呪故，所生之處，恒在佛前，蓮華化生，不受胎藏之身。  
vị tăng phế vong, do trì thử chú cố, sở sinh chi xứ, hằng tại Phật tiền, liên hoa hóa sinh, bất  
thụ thai tạng chi thân.

**chưa từng bỏ quên, do ghi nhớ Chú đó, nơi được sinh ra, thường ở trước Phật, hoa sen hoá  
sinh, thân chẳng ở trong bào thai .**

若有比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、童男、童女，欲誦持者，於諸眾生，

Nhược hữu Tì-kheo、Tì-kheo-ni、Uu-bà-tắc、Uu-bà-di、đồng nam、đồng nữ, dục tụng trì  
giả, ư chư chúng sinh,

**Nếu có nam Tì-kheo, nữ Tì-kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử, nam nhi, nữ nhi muốn tụng trì  
Chú, với các chúng sinh ,**

起慈悲心，先當從我，發如是願：

khởi Từ Bi tâm, tiên đương tòng Ngã, phát như thị nguyện :

**khởi tâm Từ Bi, trước tiên nên theo con, phát thệ nguyện như sau :**

南無大悲觀世音! 願我速知一切法。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc tri nhất thiết Pháp.

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh chóng biết được tất cả các Pháp.**

南無大悲觀世音! 願我早得智慧眼。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đắc Trí tuệ nhãn .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh được Pháp Bồ-tát.**

南無大悲觀世音! 願我速度一切眾。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc độ nhất thiết chúng .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh chóng cứu độ tất cả chúng sinh .**

南無大悲觀世音! 願我早得善方便。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đắc thiện Phương-tiện .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm được Phương-tiện tốt .**

南無大悲觀世音! 願我速乘般若船。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc thừa Bát-nhã thuyền .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con Nguyện nhanh chóng ngồi thuyền Trí tuệ.**

南無大悲觀世音! 願我早得越苦海。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đắc việt khổ hải.

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm được vượt qua biển khổ .**

南無大悲觀世音! 願我速得戒定道。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc đắc Giới Định Đạo .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh được Đạo Giới Định.**

南無大悲觀世音! 願我早登涅槃山。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đặng Niết-bàn son.

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm được lên cõi Niết-bàn.**

南無大悲觀世音! 願我速會無為舍。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tốc hội Vô-vi xá.

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện nhanh chóng tới nơi hội Vô-vi**

南無大悲觀世音! 願我早同法性身。

Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Nguyện Ngã tảo đồng Pháp-Tính-Thân .

**Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm ! Con nguyện sớm hòa đồng Pháp-Tính-Thân.**

我若向刀山, 刀山自摧折。

Ngã nhược hướng đao sơn, đao sơn tự tòi chiết.

**Nếu con hồi hướng về phía núi đao, núi đao tự bể gãy .**

我若向火湯, 火湯自消滅。

Ngã nhược hướng hỏa thang, hỏa thang tự tiêu diệt.

**Nếu con hồi hướng về phía vạc dầu, vạc dầu tự tiêu diệt.**

我若向地獄, 地獄自枯竭。

Ngã nhược hướng Địa ngục, Địa ngục tự khô kiệt .

**Nếu con hồi hướng về nơi Địa ngục, Địa ngục tự khô héo .**

我若向餓鬼, 餓鬼自飽滿。

Ngã nhược hướng Ngạ quỷ, Ngạ quỷ tự bão mãn .

**Nếu con hồi hướng về phía Quỷ đói, Quỷ đói tự nhiên được no đủ.**

我若向修羅, 惡心自調伏。

Ngã nhược hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục .

**Nếu con hồi hướng về phía Tu-la, tâm ác tự điều phục.**

我若向畜生, 自得大智慧。

Ngã nhược hướng súc sinh, tự đắc đại Trí tuệ.

**Nếu con hồi hướng về phía súc sinh, tự được Trí tuệ lớn.**

發是願已, 至心稱念, 我之名字, 亦應專念, 我本師阿彌陀如來,

Phát thị nguyện dĩ, chí tâm xưng niệm, Ngã chi danh tự, diệc ưng chuyên niệm, Ngã bản Sư A Di Đà Như Lai .

**Phát xong lời nguyện này, chí tâm đọc niệm tên của con, cũng cần chuyên tâm niệm tên Thầy của con là A Di Đà Như Lai.**

然後即當誦此陀羅尼神呪。一宿誦滿五遍, 除滅身中, 百千萬億劫生死重罪。

Nhiên hậu tức đương tụng tụng thần chú Đà-la-ni Thần chú, nhất tú tụng mãn ngũ biến, trừ diệt thân trung, bách thiên vạn ức Kiếp sinh tử trọng tội.

**Đương nhiên sau đó tức thời cần tụng Thần chú Đà-la-ni này, mỗi tối đủ 5 lượt, trừ diệt trăm nghìn vạn triệu Kiếp sinh tử tội nặng trong thân.**

觀世音菩薩復白佛言: 世尊! 若諸人天, 誦持大悲章句者, 臨命終時, 十方諸佛,

Quan Thế Âm Bồ-tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược chư Nhân Thiên, tụng trì Đại Bi chương cú giả, lâm mệnh chung thời, thập phương chư Phật,

**Quan Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Thế-Tôn! Nếu các Trời Người, tụng nhớ câu đoạn Đại Bi Thần chú, lúc sắp bỏ mệnh, các Phật mười phương,**

皆來授手。欲生何等佛土, 隨願皆得往生。

giai lai thụ thủ. Dục sinh hà đẳng Phật thổ, tùy nguyện giai đắc vãng sinh .

**đều tới bắt tay. Muốn sinh đất nước Phật nào, tùy theo nguyện đều được vãng sinh .**

復白佛言: 世尊! 若諸眾生, 誦持大悲神呪,

**Phục bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Nhược chư chúng sinh, tụng trì Đại Bi Thần chú,**

**Lại bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Nếu có các chúng sinh, tụng nhớ Đại Bi Thần chú,**

**墮三惡道者, 我誓不成正覺。誦持大悲神呪者,**

**đọa Tam ác đạo giả, Ngã thệ bất thành Chính Giác. Tụng trì Đại Bi Thần chú giả,**

**bị rơi xuống Địa ngục Quỷ đói Súc sinh, con thê không thành Chính Giác. Người tụng nhớ Đại Bi Thần chú,**

**若不生諸佛國者, 我誓不成正覺。**

**Nhược bất sinh chư Phật quốc giả, Ngã thệ bất thành Chính Giác.**

**Nếu không được sinh ở các đất Phật, con thê không thành Chính Giác.**

**誦持大悲神呪者, 若不得無量三昧辯才者, 我誓不成正覺。**

**Tụng trì Đại Bi Thần chú giả, nhược bất đắc vô lượng Tam-muội biện tài giả, Ngã thệ bất thành Chính Giác.**

**Người tụng nhớ Đại Bi Thần chú, nếu không được vô lượng Tam-muội hùng biện, con thê không thành Chính Giác.**

**誦持大悲神呪者, 於現在生中一切所求, 若不果遂者, 不得為大悲心陀羅尼也。**

**Tụng trì Đại Bi Thần chú giả, ư hiện tại sinh trung nhất thiết sở cầu, nhược bất quả toại giả, bất đắc vi Đại Bi tâm Đà-la-ni dã .**

**Người tụng nhớ Đại Bi Thần chú, sinh ở đời hiện tại tất cả nguyện cầu, không được toại nguyện, không được coi là Tâm Đại Bi Đà-la-ni.**

**唯除不善, 除不至誠。若諸女人, 厭賤女身, 欲成男子身, 誦持大悲陀羅尼章句。**

**đuy trừ bất thiện, trừ bất chí thành . Nhược chư nữ nhân, yếm tiện nữ thân, dục thành nam tử thân, tụng trì Đại Bi Đà-la-ni chương cú.**

**chỉ trừ không thiện, không thành tâm. Nếu các phụ nữ, chán thân gái yếu hèn, muốn thành thân con trai, tụng nhớ câu đoạn Đại Bi Đà-la-ni.**

**若不轉女身成男子身者, 我誓不成正覺。生少疑心者, 必不果遂也。**

**Nhược bất chuyển nữ thân thành nam tử thân giả, Ngã thệ bất thành Chính Giác. Sinh thiếu nghi tâm giả, tất bất quả toại dã.**

**Nếu không chuyển thân con gái thành thân con trai, con thê không thành Chính Giác. Người sinh tâm nghi hoặc nhỏ xiu, nhất định không toại nguyện .**

**若諸眾生, 侵損常住、飲食、財物, 千佛出世, 不通懺悔, 縱懺亦不除滅。**

**Nhược chư chúng sinh, xâm tổn Thường trụ、ẩm thực、tài vật, thiên Phật xuất thế, bất thông sám hối, tụng sám diệt bất trừ diệt.**

**Nếu các chúng sinh, xâm phạm tổn thương Phật Pháp Tăng ăn uống tài vật, nghìn Phật ra đời, chẳng biết sám hối, dễ dãi ăn năn cũng chẳng trừ diệt.**

**今誦大悲神呪, 即得除滅。若侵損食用, 常住飲食、財物, 要對十方師懺謝, 然始除滅。**

**Kim tụng Đại Bi Thần chú, tức đắc trừ diệt. Nhược xâm tổn thực dụng, Thường trụ ẩm thực、tài vật, yếu đối thập phương Sư sám tạ, nhiên thủy trừ diệt.**

**Nay tụng Đại Bi Thần chú, tức thì được trừ diệt. Nếu xâm phạm tổn hại đồ dùng thức ăn, đồ ăn uống, tài vật của Tam bảo, chủ yếu đối diện Thầy mười phương sám hối tạ lỗi, đương nhiên bắt đầu trừ diệt.**

**今誦大悲陀羅尼, 時十方師即來, 為作證明, 一切罪障, 悉皆消滅。**

**Kim tụng Đại Bi Đà-la-ni thời, thập phương Sư tức lai, vị tác chứng minh, nhất thiết tội chướng, tất giai tiêu diệt.**

**Nay tụng Đại Bi Đà-la-ni, lúc đó Thầy mười phương tức thì tới, vì để chứng minh, tất cả tội chướng, đều tiêu diệt hết.**

**一切十惡、五逆、謗人、謗法、破齋、破戒、破塔、壞寺、偷僧祇物、污淨梵行。**

Nhất thiết thập ác、ngũ nghịch、báng nhân、báng pháp、phá trai、phá giới、phá Tháp、hoại Tự、thâu Tăng kì vật、ô tịnh Phạm hạnh。

**Tất cả mười điều ác, ngũ nghịch chê bai người, phỉ báng Pháp phá trai Giới, phá Giới phá Tháp, hủy hoại Chùa trộm cắp vật cúng lễ của Tăng, ô uế Phạm hạnh tịnh.**

如是等一切惡業、重罪，悉皆滅盡。唯除一事，於呪生疑者，乃至小罪輕業，亦不得滅，  
Nhu thị đẳng nhất thiết ác nghiệp、trọng tội, tất giai diệt tận. Duy trừ nhất sự, ư Chú sinh nghi giả, nãi chí tiểu tội khinh nghiệp, diệt bất đắc diệt,

**Tất cả các nghiệp ác tội nặng như thế, đều tiêu diệt hết. Duy trừ một việc, sinh nghi với Chú này, kể cả tội nhỏ nghiệp nhẹ, đều không trừ diệt được.**

何況重罪？雖不即滅重罪，猶能遠作菩提之因。

Hà huông trọng tội？tuy bất tức diệt trọng tội, do năng viễn tác Bồ-đề chi nhân.

**Huông chi trọng tội？Dù chưa tức thì diệt hết tội nặng, do có thể lâu nữa mới phát khởi tâm Bồ-đề.**

復白佛言：世尊！若諸人天，誦持大悲心呪者，得十五種善生，

Phục bạch Phật ngôn：Thế Tôn！Nhược chư Nhân Thiên, tụng trì Đại Bi tâm chú giả, đắc thập ngũ chủng thiện sinh，

**Lại bạch Phật rằng：Nếu các Trời Người, tụng nhớ tâm Chú Đà-la-ni, được sinh 15 loại thiện.**

不受十五種惡死也。其惡死者：一者，不令其飢餓困苦死。

Bất thụ thập ngũ chủng ác tử dã. Kỳ ác tử giả：Nhất giả bất linh kỳ cơ nga khôn khổ tử.

**Không bị nhận mười lăm loại chết dữ ác. Các loại chết dữ ác：Một là không bị chết do đói khát khôn khổ.**

二者，不為枷禁杖楚死。三者，不為怨家讐對死。四者，不為軍陣相殺死。

Nhị giả bất vi gia cầm trượng sở tử. Tam giả bất vi oan gia thù đối tử. Tứ giả bất vi quân trận tướng sát tử.

**Hai là không bị chết khổ vì gông cùm tù cầm roi gậy. Ba là không bị chết do oán gia thù hận đối nghịch. Bốn là bị cảnh giết chết trong chiến trận.**

五者，不為豺狼惡獸殘害死。六者，不為毒蛇虻蠍所中死。七者，不為水火焚漂死。

Ngũ giả bất vi sài lang ác thú tàn hại tử. Lục giả bất vi độc xà nguyên hiết sở trung tử. Thất giả bất vi thủy hỏa phân phiêu tử.

**Năm là không bị chết do chó săn thú dữ tàn hại. Sáu là không bị chết do rắn bò cạp độc hại.**

**Bảy là không bị chết do lửa đốt chết đuối trôi sông.**

八者，不為毒藥所中死。九者，不為蠱毒害死。十者，不為狂亂失念死。

Bát giả bất vi độc dược sở trung tử. Cửu giả bất vi cổ độc hại tử. Thập giả bất vi cuồng loạn thất niệm tử.

**Tám là không bị chết do thuốc độc. Chín là không bị chết do mê hoặc đầu độc. Mười là không bị chết do cuồng loạn mất trí nhớ.**

十一者，不為山樹崖岸墜落死。十二者，不為惡人厭魅死。

Thập nhất giả bất vi sơn thụ nhai ngạn trụ lạc tử. Thập nhị giả bất vi ác nhân Yêm-mị tử.

**Mười một là không bị chết do rơi từ trên núi trên cây nơi vách núi. Mười hai là không bị chết do người ác yêm mị bùa chú.**

十三者，不為邪神惡鬼得便死。十四者，不為惡病纏身死。十五者，不為非分自害死。

Thập tam giả bất vi tà Thần ác Quỷ đắc tiện tử. Thập tứ giả bất ác bệnh triền thân tử. Thập ngũ giả bất vi phi phần tự hại tử.

**Mười ba là không bị chết do tà Thần Quỷ dữ hại. Mười bốn là không bị chết do bệnh ác hiểm ràng buộc thân. Mười lăm là không bị chết do tự tử chưa an phận.**

誦持大悲神呪者，不被如是十五種惡死也。得十五種善生者：



**Tụng trì Đại Bi Thần chú giả, bất bị như thị thập ngũ chủng ác tử dã. Đắc thập ngũ chủng thiện sinh giả:**

**Người tụng nhớ Đại Bi Thần chú, không bị 15 loại chết dữ ác. Được 15 loại sinh thiện là :**

一者, 所生之處, 常逢善王。二者, 常生善國。三者, 常值好時。

**Nhất giả sở sinh chi xứ thường phùng thiện Vương. Nhị giả thường sinh thiện quốc. Tam giả thường trực hảo thời .**

**Một là ở nơi được sinh thường gặp Vua hiền. Hai là thường sinh đất nước thiện. Ba là thường gặp được thời tốt.**

四者, 常逢善友。五者, 身根常得具足。六者, 道心純熟。七者, 不犯禁戒。

**Tứ giả thường phùng thiện hữu. Ngũ giả thân Căn thường đắc cụ túc. Lục giả đạo tâm thuần thực. Thất giả bất phạm cấm giới .**

**Bốn là thường gặp bạn hữu tốt. Năm là thân thể thường được đầy đủ. Sáu là Tâm đạo thuần thực. Bảy là không phạm các Giới cấm.**

八者, 所有眷屬, 恩義和順。九者, 資具財食, 常得豐足。

**Bát giả sở hữu quyến thuộc, ân nghĩa hòa thuận. Cửu giả tư cụ tài thực, thường đắc phong túc.**

**Tám là có được quyến thuộc, ân nghĩa hòa thuận. Chín là của cải tài thực đủ, thường được sung túc.**

十者恒得他人, 恭敬扶接十一者, 所有財寶, 無他劫奪。

**Thập giả hằng đắc tha nhân, cung kính phù tiếp. Thập nhất giả sở hữu tài bảo, vô tha kiếp đoạt .**

**Mười là thường được người khác, cung kính giúp đỡ đưa đón. Mười một là có của báu, không ai cướp đoạt được.**

十二者, 意欲所求, 皆悉稱遂。十三者, 龍天善神, 恒常擁衛。

**Thập nhị giả ý dục sở cầu, giai tất xung toại. Thập tam giả Long Thiên thiện Thần, hằng thường ủng vệ .**

**Mười hai là ý muốn cầu mong, tất cả đều toại nguyện . Mười ba là Rồng Trời Thần thiện, hằng thường ủng hộ bảo vệ.**

十四者, 所生之處, 見佛聞法。十五者, 所聞正法, 悟甚深義。

**Thập tứ giả sở sinh chi xứ, kiến Phật văn Pháp. Thập ngũ giả sở văn Chính Pháp ngộ thậm thâm nghĩa.**

**Mười bốn là ở nơi được sinh ra, gặp Phật nghe Pháp. Mười lăm là nghe Chính Pháp, hiểu nghĩa thâm sâu.**

若有誦持大悲心陀羅尼者, 得如是等十五種善生也。

**Nhược hữu tụng trì Đại Bi tâm Đà-la-ni giả, đắc như thị đẳng thập ngũ chủng thiện sinh dã.**

**Nếu có tụng ghi nhớ Đại Bi tâm Đà-la-ni, cũng được 15 loại sinh thiện như thế.**

一切天、人應常誦持, 勿生懈怠。

**Nhất thiết Thiên 、 Nhân ưng thường tụng trì, vật sinh giải đãi.**

**Tất cả Trời Người nên thường tụng ghi nhớ, không được sinh lười biếng.**

觀世音菩薩說是語已, 於眾會前, 合掌正住, 於諸眾生, 起大悲心, 開顏含笑,

**Quan Thế Âm Bồ-tát thuyết thị ngữ dĩ, ư chúng hội tiền, hợp chưởng chính trụ, ư chư chúng sinh, khởi Đại Bi tâm, khai nhan hàm tiếu.**

**Quan Thế Âm Bồ-tát nói xong lời này, ở trước các chúng sinh trong hội, chấp tay đứng nghiêm, với các chúng sinh, khởi tâm Đại Bi tâm, vẽ mặt vui tươi mỉm cười.**

即說如是 “廣大圓滿無礙大悲心大陀羅尼神妙章句陀羅尼” 曰 :

**Túc thuyết như thị “Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà-la-ni Thần Diệu Chương Cú Đà-la-ni ”viết:**

**Tức thì đọc ‘Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà-la-ni quảng đại rộng lớn đầy đủ thần diệu vô ngại đại bi tâm Đại Đà-la-ni thần diệu lời Đà-la-ni’ rằng :**

南無喝囉怛那哆囉夜(口\*耶) 。南無阿唎(口\*耶) 。婆盧羯帝爍鉢囉(口\*耶) 。

**Nam mô hát la đát la da la dạ da. Nam mô a li da. Bà lô yết đế thước bát la da.**

菩提薩陁婆(口\*耶) 。摩訶薩陁婆(口\*耶) 。摩訶迦盧尼迦(口\*耶) 。唵 。

**Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. Yểm.**

薩囉罰曳。數怛那怛寫。南無悉吉利埵伊蒙阿唎(口\*耶) 。

**Tát bà la phạt duệ. Số đát na đát tả. Nam mô tát cát lợi đỏa y môn a li da.**

婆盧吉帝室佛囉(口\*楞)馱婆。南無那囉謹墀。醯唎摩訶囉哆沙咩 。

**Bà lô cát đế thất Phật la lăng đà bà. Nam mô na la cần trì. Ê li ma ha bà đa sa mi.**

薩婆阿他豆輸朋。阿逝孕。薩婆薩哆那摩婆薩哆那摩婆伽 。

**Tát bà a tha đậu du bằng. A thệ dụng. Tát bà tát đa, na ma bà tát đa, na ma bà già.**

摩罰特豆。怛姪他。唵。阿婆盧醯。盧迦帝。迦羅帝。夷醯唎 。

**Ma phạt đặc đậu. Đát diệt tha. Yểm a bà lô ê. Lô ca đế. Ca la đế. Di ê li.**

摩訶菩提薩埵。薩婆薩婆。摩羅摩羅。摩醯摩醯唎馱孕 。

**Ma ha Bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma la ma la. Ma ê ma ê li đà dụng.**

俱盧俱盧羯憐。度盧度盧罰闍耶帝。摩訶罰闍耶帝 。

**Câu lô câu lô yết môn. Độ lô độ lô phạt xà da đế. Ma ha phạt xà da đế.**

陀羅陀羅。地利尼。室佛囉耶。遮羅遮羅。摩摩罰摩囉。穆帝囉 。

**Đà la đà la. Địa lợi ni. Thất Phật la da. Già la già la. Ma ma phạt ma la. Mục đế lệ.**

伊醯移醯。室那室那。阿囉唵佛囉舍利。罰沙罰唵。佛羅舍耶 。

**Y ê di ê. Thất na thất na. A la sám Phật la xá lợi. Phạt sa phạt sám. Phật la xá da.**

呼嚧呼嚧摩囉。呼嚧呼嚧醯利。娑囉娑囉。悉利悉利。蘇嚧蘇嚧 。

**Hô lô hô lô ma la. Hô lô hô lô ê lợi. Sa la sa la. Tát lợi tát lợi. Tô lô tô lô.**

菩提夜菩提夜。菩馱夜菩馱夜。彌帝利夜。那囉謹墀。地唎瑟尼那 。

**Bồ đề dạ Bồ đề dạ. Bồ đà dạ Bồ đà dạ. Di đế lợi dạ. Na la cần trì. Địa li sắt ni na.**

波夜摩那。娑婆訶。悉陀夜。娑婆訶。摩訶悉陀夜。娑婆訶。悉陀喻藝 。

**Ba dạ ma na. Sa bà ha. Tát đà dạ . Sa bà ha. Ma ha tát đà dạ. Sa bà ha. Tát đà dụ nghệ.**

室囉囉耶。娑婆訶。那囉謹墀。娑婆訶。摩囉那囉。娑婆訶 。

**Thất bà la da. Sa bà ha. Na la cần trì. Sa bà ha. Ma la na la. Sa bà ha.**

悉囉僧阿穆佉耶。娑婆訶。娑婆摩訶阿悉陀夜。娑婆訶 。

**Tát la tăng a mục khư da. Sa bà ha. Sa bà ma ha a tát đà dạ. Sa bà ha.**

者吉囉阿悉陀夜。娑婆訶。波陀摩羯悉哆夜。娑婆訶 。

**Giả cát la a tát đà dạ. Sa bà ha. Ba đà ma yết tát đa dạ. Sa bà ha.**

那囉謹墀囉伽囉(口\*耶) 。娑婆訶。摩婆利勝羯囉夜。娑婆訶 。

**Na la cần trì bà già la da. Sa bà ha. Ma bà lợi thắng yết la dạ. Sa bà ha.**

南無喝囉怛那哆囉夜耶。南無阿唎(口\*耶) 。婆嚧吉帝 。

**Nam mô hát la đát na đa la dạ da. Nam mô a li da. Bà lô cát đế.**

爍囉囉夜。娑婆訶。唵。悉殿都曼哆囉鉢馱耶。娑婆訶 。

**Thước bà la dạ. Sa bà ha. Yểm . Tát điện đô mạn đa la bát đà da. Sa bà ha.**

觀世音菩薩說此呪已。大地六變震動，天雨寶華，繽紛而下 。

**Quan Thế Âm Bồ-tát thuyết thử chú dĩ . Đại địa lục biến chấn động , Thiên vũ bảo hoa , tân phân nhi hạ .**

**Quan Thế Âm Bồ-tát thuyết xong Thần chú . Thế giới sáu loại chấn động, Trời rải hoa báu, lá tả rơi xuống .**

十方諸佛悉皆歡喜，天魔外道恐怖毛豎，一切眾會皆獲果證。

Thập phương chư Phật tất giai hoan hỷ, Thiên ma ngoại đạo khủng bố mao thụ, nhất thiết chúng hội giai hoạch quả chứng.

**Các Phật mười phương tất cả đều vui mừng, Ma Trời ngoại đạo sợ hãi dựng tóc gáy, tất cả các chúng sinh trong hội đều được chứng quả.**

或得須陀洹果，或得斯陀含果，或得阿那含果，或得阿羅漢果者，

Hoặc đắc Tu-đà-hoàn quả, hoặc đắc Tư-đà-hàm quả, hoặc đắc A-na-hàm quả, hoặc đắc A-la-hán quả giả,

**Hoặc được quả Tu-đà-hoàn, hoặc được quả Tư-đà-hàm, hoặc được quả A-na-hàm, hoặc được quả A-la-hán,**

或得一地、二地、三地、四地、五地，乃至十地者。無量眾生發菩提心。

hoặc đắc nhất địa、nhị địa、tam địa、tứ địa、ngũ địa, nãi chí thập Địa giả. Vô lượng chúng sinh phát Bồ-đề tâm.

**hoặc được bậc 1, bậc 2, bậc 3, bậc 4, bậc 5, thậm chí Bồ-tát bậc 10. Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề.**

爾時大梵天王，從座而起，整理衣服，合掌恭敬，白觀世音菩薩言：

Nhĩ thời Đại Phạm Thiên Vương, tòng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, hợp chưởng cung kính bạch Quan Thế Âm Bồ-tát ngôn :

**Lúc đó Đại Phạm Thiên Vương, rời chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh trang áo quần, chấp tay cung kính, bạch Quan Thế Âm Bồ-tát rằng :**

善哉！大士！我從昔來，經無量佛會，聞種種法、種種陀羅尼，

Thiện tai ! Đại sĩ ! Ngã tòng tích lai, kinh vô lượng Phật hội, văn chủng chủng Pháp、chủng chủng Đà-la-ni,

**Thiện thay ! Đại sĩ ! Con từ xưa đến nay, qua vô lượng hội Phật, nghe đủ loại Pháp, đủ loại Đà-la-ni,**

未曾聞說，如此無礙大悲心。大悲陀羅尼神妙章句。

vị tằng văn thuyết, như thử Vô ngại Đại Bi tâm. Đại Bi Đà-la-ni thần diệu chương cú.

**chưa từng nghe thuyết Pháp, Vô ngại Đại Bi tâm này như thế. Đại Bi Đà-la-ni thần diệu câu đoạn.**

唯願大士，為我說此陀羅尼形貌狀相，我等大眾，願樂欲聞！

Duy nguyện Đại sĩ, vị Ngã thuyết thử Đà-la-ni hình mạo trạng tướng, Ngã đẳng Đại chúng nguyện nhạo dục văn !

**Mong muốn Đại sĩ, vì con nói hình dáng diện mạo của Đà-la-ni này, con và Đại chúng ham muốn được nghe.**

觀世音菩薩告梵王言：汝為方便利益一切眾生故，作如是問。汝今善聽，

Quan Thế Âm Bồ-tát cáo Phạm Vương ngôn : Nhữ vi Phương tiện lợi ích nhất thiết chúng sinh cố, tác như thị vấn, Nhữ kim thiện thính,

**Quan Thế Âm Bồ-tát bảo Phạm Vương rằng : Ngài cố vì được Phương tiện lợi ích tất cả chúng sinh, hỏi việc này như thế, Ngài nay nghe Tuệ,**

吾為汝等，略說少耳！觀世音菩薩言：

Ngô vị Nhữ đẳng, lược thuyết thiểu nhĩ ! Quan Thế Âm Bồ-tát ngôn:

**Ta vì các Ngài lược thuyết đôi chút ! Quan Thế Âm nói rằng :**

大慈悲心是，平等心是，無為心是，無染著心是，

Đại Từ Bi tâm thị, bình đẳng tâm thị, Vô vi tâm thị, vô nhiễm trước tâm thị,

**Tâm Đại Từ Bi, tâm Bình đẳng, tâm Vô vi tự do, tâm không nhiễm cố chấp,**

空觀心是，恭敬心是，卑下心是，無雜亂心，

không quan tâm thị , cung kính tâm thị , ti hạ tâm thị , vô tạp loạn tâm , tâm trông thấy rõ không , tâm cung kính , tâm hèn kém hạ tiện , tâm không hỗn náo tạp loạn ,

無見取心是，無上菩提心是。當知如是等心，即是陀羅尼相貌。汝當依此而修行之。 vô kiến thủ tâm thị , Vô-thượng Bồ-đề tâm thị . Đương tri như thị đẳng tâm , tức thị Đà-la-ni tướng mạo . Nhữ đương y thủ nhi tu hành chi.

tâm giữ lại sự không thấy , tâm Bình đẳng Bồ-đề . Nên biết các loại tâm như thế , tức là tướng mạo của Đà-la-ni. Ngài nên dựa vào đó mà tu hành.

大梵王言：我等大眾，今始識此陀羅尼相貌。從今受持，不敢忘失。

Đại Phạm Vương ngôn : Ngã đẳng Đại chúng , kim thủ thức thủ Đà-la-ni tướng mạo . Tông kim thụ trì , bất cảm vong thất

Đại Phạm Vương nói rằng : Chúng con Đại chúng , nay mới biết được tướng mạo của Đà-la-ni này . Từ nay ghi nhớ không dám để quên mất.

觀世音言：若善男子、善女人，誦持此神呪者，發廣大菩提心，誓度一切眾生。

Quán Thế Âm ngôn : Nhược Thiện nam tử 、 thiện nữ nhân , tụng trì thủ Thần chú giả , phát quang đại Bồ-đề tâm , thế độ nhất thiết chúng sinh .

Quan Thế Âm nói rằng : Nếu có Thiện nam tín nữ , tụng ghi nhớ Thần chú này phát tâm Bồ-đề rộng lớn , thế cứu độ tất cả chúng sinh.

身持齋戒，於諸眾生，起平等心。常誦此呪，莫令斷絕。住於淨室，澡浴清淨，

Thân trì Trai giới , ư chư chúng sinh , khởi bình đẳng tâm , thường tụng thủ Chú , mặc linh đoạn tuyệt . Trú ư tịnh thất , tảo dục thanh tịnh ,

Thân giữ trai giới , với các chúng sinh , khởi tâm Bình đẳng . Thường tụng Chú này , không được để đoạn tuyệt . Ở trong phòng sạch , tắm rửa sạch sẽ ,

著淨衣服。懸旛、然燈、香華、百味飲食，以用供養。制心一處，更莫異緣，如法誦持。 trước tịnh y phục . Huyền phan 、 nhiên đăng 、 hương hoa 、 bách vị ẩm thực , dĩ dụng cúng dưỡng . Chế tâm nhất xứ , cánh mặc dị duyên , như Pháp tụng trì .

mặc quần áo sạch . Treo cờ phan , đốt đèn , hương hoa , đồ ăn trăm vị , dùng để cúng dưỡng . Giữ tâm cố định , không được buông thả theo việc khác , theo Pháp nhớ tụng .

是時當有，日光菩薩、月光菩薩與無量神仙，來為作證，益其効驗。

Thị thời đương hữu , Nhật-quang Bồ-tát 、 Nguyệt-quang Bồ-tát dữ vô lượng Thần Tiên , lai vị tác chứng , ích kỳ hiệu nghiệm .

Lúc đó sẽ có Nhật-quang Bồ-tát , Nguyệt-quang Bồ-tát cùng vô lượng Thần tiên , tới để chứng minh , lợi ích hiệu nghiệm của nó .

我時當以千眼照見，千手護持。從是以往，所有世間經書，悉能受持。

Ngã thời đương dĩ thiên Nhãn chiếu kiến , thiên Thủ hộ trì . Tông thị dĩ vãng , sở hữu Thế gian Kinh thư , tất năng thụ trì .

Ta lúc đó sẽ dùng ngàn Mắt soi thấy , nghìn Tay hộ trì . Từ đó về sau , tất cả Kinh sách của Thế gian , có thể ghi nhớ tất cả .

一切外道法術、韋陀典籍，亦能通達。

Nhất thiết ngoại đạo Pháp thuật 、 vi đà điển tịch , diệc năng thông đạt .

Tất cả thuật Pháp ngoại đạo , điển tịch sách vở Vi-đà , cũng có thể thông tỏ .

誦持此神呪者，世間八萬四千種病，悉皆治之，無不差者。

Tụng trì thủ Thần chú giả , Thế gian bát vạn tứ thiên chủng bệnh , tất giai trị chi , vô bất sai giả .

Tụng nhớ Thần chú này , tám vạn bốn ngàn thứ bệnh của Thế gian , tất cả đều chữa trị được , bệnh nhanh chóng khỏi .

亦能使令一切鬼神，降諸天魔，制諸外道。

Diệc năng sử linh nhất thiết Quỷ Thần , hàng chư Thiên ma , chế chư ngoại đạo.

**Cũng có thể sai khiến tất cả Quỷ Thần , hàng phục các Ma Trời , chế ngự các ngoại đạo .**

若在山野，誦經坐禪，有諸山精、雜魅、魍魎、鬼神，橫相惱亂，心不安定者，

Nhược tại sơn dã , tụng Kinh tọa Thiền , hữu chư sơn tinh 、 tạp mị 、 vãng lương 、 quỷ thần ,  
hoành tướng nảo loạn , tâm bất an định giả ,

**Nếu ở núi vắng hoang dã tụng Kinh tọa Thiền , có Sơn tinh , các loại ma núi, quỷ núi, quỷ  
thần, ngang tàng nảo loạn, tâm không yên ổn,**

誦此呪一遍，是諸鬼神，悉皆被縛也。

Tụng thử chú nhất biến , thị chư quỷ thần , tất giai bị phược dã .

**Tụng Chú này một lượt, các quỷ thần đó, tất cả đều bị bó tay.**

若能如法誦持，於諸眾生，起慈悲心者，我時當勅一切善神、

Nhược năng như Pháp tụng trì , ư chư chúng sinh , khởi Từ Bi tâm giả , Ngã thời đương sắc  
nhất thiết thiện Thần 、

**Nếu năng như Pháp tụng nhớ , với các chúng sinh , khởi tâm Từ Bi, Ta thời sai khiến tất cả  
Thần thiện ,**

龍王、金剛密迹，常隨衛護，不離其側，如護眼睛，如護已命。

Long Vương 、 Kim Cương mật tích , thường tùy vệ hộ , bất ly kỳ trắc , như hộ nhãn tình ,  
như hộ dĩ mệnh .

**Long Vương 、 Kim Cương mật tích, thường đi theo bảo vệ giúp đỡ, không xa rời xao nhãng  
như bảo vệ con người mắt, như bảo vệ tính mệnh .**

說偈勅曰：

Thuyết kệ sắc viết:

**Độc bài kệ chỉ dụ rằng:**

我遣密跡金剛士，烏芻君荼鷲俱尸，

Ngã khiến mật tích Kim-cương sĩ , ô sô quân đồ ương câu thi.

**Ta cử mật tích Kim-cương sĩ , quạ quỷ uyên ương tới hội tế.**

八部力士賞迦羅，常當擁護受持者。

Bát-bộ Lực-sĩ thưởng Ca-la , thường đương ủng hộ thụ trì giả.

**Tám-bộ Lực-sĩ ban Ca-la , thường nên ủng hộ người nhớ Chú.**

我遣摩醯那羅延，金剛羅陀迦毘羅，

Ngã khiến Ma-ê Na-la-diên , Kim cương La-đà Ca-tì-la ,

**Ta cử Ma-ê Na-la-diên , Kim cương La-đà Ca-tì-la ,**

常當擁護受持者。我遣婆馱娑樓羅，

thường đương ủng hộ thụ trì giả . Ngã khiến Bà-cấp Sa-lâu-la ,

**thường nên ủng hộ người nhớ Chú . Ta cử Bà-cấp Sa- lâu-la ,**

滿善車鉢真陀羅，常當擁護受持者。

Mãn-thiện Xa-bát Chân-đà-la, thường đương ủng hộ thụ trì giả .

**Mãn-thiện Xa-bát Chân- đà-la, thường nên ủng hộ người nhớ Chú .**

我遣薩遮摩和羅，鳩闌單吒半祇羅，

Ngã khiến Tát-già Ma-hòa-la, cư lan Đan-tra Bán-kì-la,

**Ta cử Tát-già Ma-hòa-la, Cư-lan Đan-tra Bán-kì-la,**

常當擁護受持者。我遣畢婆伽羅王，

thường đương ủng hộ thụ trì giả . Ngã khiến Tát-bà Già-la-vương ,

**thường nên ủng hộ người nhớ Chú . Ta cử Tát-bà Già-la-vương ,**

應德毘多薩和羅，常當擁護受持者。

ung đức Tì-đa Tát-hòa-la, thường đương ủng hộ thụ trì giả .  
**xúng đức Tì-đa Tát-hòa-la, thường nên ủng hộ người nhớ Chú .**  
我遣梵摩三鉢羅，五部淨居炎摩羅，  
Ngã cử Phạm Ma Tam-bát-la, ngũ bộ Tịnh cư Viêm-ma-la ,  
**Ta cử Phạm Ma Tam-bát-la, Viêm-ma-la ở Năm bộ Tịnh ,**  
常當擁護受持者。我遣釋王三十三，  
thường đương ủng hộ thụ trì giả . Ngã khiến Thích- vương tam thập tam ,  
**thường nên ủng hộ người nhớ Chú . Ta cử Ngọc-đế 33 tầng trời,**  
大辯功德婆怛那，常當擁護受持者。  
Đại biện công đức Bà-đát-na, thường đương ủng hộ thụ trì giả .  
**Đại biện công đức Bà-đát-na, thường nên ủng hộ người nhớ Chú .**  
我遣提頭賴吒王，神母女等大力眾，  
Ngã khiến Đề-đầu Lại-tra-vương, Thần-mẫu nữ đẳng Đại lực chúng,  
**Ta phái Đề-đầu Lại-tra-vương, các nữ Thần-mẫu các Lực sĩ,**  
常當擁護受持者。我遣毘樓勒叉王，  
thường đương ủng hộ thụ trì giả . Ngã khiến Tì-lâu Lạc-xoa-vương ,  
**thường nên ủng hộ người nhớ Chú. Ta phái Tì-lâu Lạc-xoa-vương ,**  
毘樓博叉毘沙門，常當擁護受持者。  
Tì-lâu Bác-xoa Tì-sa-môn , thường đương ủng hộ thụ trì giả .  
**Tì-lâu Bác-xoa Tì-sa-môn , thường nên ủng hộ người nhớ Chú .**  
我遣金色孔雀王，二十八部大仙眾，  
Ngã khiến Kim sắc Khổng-tước-vương , nhị thập bát bộ Đại Tiên chúng ,  
**Ta phái Kim sắc Khổng-tước-vương , các vị Đại Tiên 28 bộ ,**  
常當擁護受持者。我遣摩尼跋陀羅，  
thường đương ủng hộ thụ trì giả . Ngã khiến Ma-ni Bạt-đà-la ,  
**thường nên ủng hộ người nhớ Chú . Ta phái Ma-ni Bạt-đà-la ,**  
散支大將弗羅婆，常當擁護受持者。  
Tán chi Đại tướng Phát-la-bà , thường đương ủng hộ thụ trì giả .  
**Tán chi Đại tướng Phát-la-bà , thường nên ủng hộ người nhớ Chú .**  
我遣難陀跋難陀，婆伽羅龍伊鉢羅，  
Ngã khiến Nan-dà Bạt-nan-dà , Bà-già-la Long-y Bát-la ,  
**Ta phái Nan-dà Bạt-nan-dà , Bà-già-la Long-y Bát-la ,**  
常當擁護受持者。我遣脩羅乾闥婆，  
thường đương ủng hộ thụ trì giả . Ngã khiến Tu-la Càn-thát-bà,  
**thường nên ủng hộ người nhớ Chú . Ta phái Tu-la Càn-thát-bà,**  
迦樓緊那摩睺羅，常當擁護受持者。  
Ca-lâu Khẩn-na Ma-hầu-la , thường đương ủng hộ thụ trì giả .  
**Ca-lâu Khẩn-na Ma-hầu-la , thường nên ủng hộ người nhớ Chú .**  
我遣水火雷電神，鳩槃荼王毘舍闍，  
Ngã khiến thủy hỏa lôi điện Thần, Cưu-bàn-đồ-vương Tì-xá-xà ,  
**Ta phái Thần nước lửa sấm chớp, Cưu-bàn-đồ-vương Tì-xá-xà ,**  
常當擁護受持者。  
thường đương ủng hộ thụ trì giả .  
**thường nên ủng hộ người nhớ Chú .**  
是諸善神及神龍王、神母女等，各有五百眷屬，大力夜叉，常隨擁護，誦持大悲神呪者。

Thị chư thiện Thần cập Thần Long Vương, Thần-mẫu nữ đẳng, các hữu ngũ bách quyền thuộc, Đại-lực Dạ-xoa, thường tùy ủng hộ, tụng trì Đại Bi Thần chú giả.

**Các Thần thiện đó cùng Thần Long Vương, các nữ Thần-mẫu, họ có 500 quyền thuộc, Đại-lực sĩ Dạ-xoa, thường đi theo ủng hộ người tụng nhớ Đại Bi Thần chú.**

其人若在空中山、曠野, 獨宿孤眠, 是諸善神, 番代宿衛, 辟除災障。

Kỳ nhân nhược tại không sơn, khoáng dã, độc tú cô miên, thị chư thiện Thần, phiên đại tú vệ, tích trừ tai chướng.

**Người đó nếu ở núi vắng đồng trống, đơn độc lẻ loi ngủ qua đêm, các thiện Thần đó thay nhau canh gác qua đêm, trừ các tai chướng.**

若在深山, 迷失道路, 誦此呪故, 善神龍王, 化作善人, 示其正道。

Nhược tại thâm sơn, mê thất đạo lộ, tụng thử Chú cố, thiện Thần Long-vương, hóa tác thiện nhân, thị kỳ chính đạo.

**Nếu ở trong núi sâu, lạc mất không biết đường, cố tụng Chú này, Thần thiện Long-vương hiện thành người thiện, dẫn đường chỉ lối.**

若在山林、曠野, 乏少水火, 龍王護故, 化出水火。

Nhược tại sơn lâm, khoáng dã, pháp thiếu thủy hỏa, Long-vương hộ cố, hóa xuất thủy hỏa.

**Nếu ở trong núi rừng đồng trống, không đủ nước lửa, do đợc Long-vương giúp đỡ, hóa ra nước lửa.**

觀世音菩薩復為誦持者, 說消除災禍, 清涼之偈:

Quan Thế Âm Bồ-tát phục vị tụng trì giả, thuyết tiêu trừ tai họa, thanh lương chi kệ:

**Quan Thế Âm Bồ-tát lại vì người tụng nhớ Chú, nói việc tiêu trừ tai họa, bài kệ sạch mát:**

若行曠野山澤中, 逢值虎狼諸惡獸,

Nhược hành khoáng dã sơn trạch trung, phùng trực hổ lang chư ác thú,

**Nếu đi trong núi đầm hoang vắng, gặp cọp chó sói các thú dữ,**

蛇虺精魅魍魎鬼, 聞誦此呪莫能害。

xà nguyên tinh mị võng lưỡng quỷ, văn tụng thử Chú mạc năng hại.

**rắn độc yêu tinh ma quỷ núi, nghe tụng Chú này không dám hại.**

若行江湖滄海間, 毒龍蛟龍摩竭獸,

Nhược hành giang hồ thương hải gian, độc long giao long Ma-kiệt thú,

**Nếu trên sông hồ giữa biển khơi, độc Long thường luồng thú Ma-kiệt,**

夜叉羅刹魚鼈, 聞誦此呪自藏隱。

Dạ-xoa La-sát ngư nguyên miết, văn tụng thử Chú tự tàng ẩn.

**Dạ-xoa La-sát cá giải ba ba, nghe tụng Chú này tự ẩn nấp.**

若逢軍陣賊圍繞, 或被惡人奪財寶,

Nhược phùng quân trận tặc vi nhiễu, hoặc bị ác nhân đoạt tài bảo,

**Nếu gặp trận mạc bị giặc vây, hoặc bị người ác cướp vật báu,**

至誠稱誦大悲呪, 彼起慈心復道歸。

Chí thành xưng tụng Đại Bi chú, bỉ khởi từ tâm phục đạo quy.

**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi, chúng khởi tâm Từ quay trở lại.**

若為王官收錄身, 圜圜禁閉杻枷鎖,

Nhược vị Vương quan thu lục thân, linh ngữ cấm bế sửu già tỏa,

**Nếu vì Vua quan truy nã bắt, tù cấm gông cùm xiềng xích tội,**

至誠稱誦大悲呪, 官自開恩釋放還。

Chí thành xưng tụng Đại Bi chú, quan tự khai ân thích phóng hoàn.

**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi, quan tự ra ân phóng thích về.**

若入野道蠱毒家，飲食有藥欲相害，  
Nhược nhập dã đạo củ độc gia，ẩm thực hữu dược dục tương hại，  
**Nếu vào đường vắng bị đầu độc，ăn uống thuốc thang muốn hại nhau，**  
至誠稱誦大悲呪，毒藥變成甘露漿。  
Chí thành xưng tụng Đại Bi chú，độc dược biến thành Cam-lộ tương。  
**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi，thuốc độc biến thành nước Cam-lộ。**  
女人臨難生產時，邪魔遮障苦難忍，  
Nữ nhân lâm nạn sinh sản thời，tà ma giã chướng khổ nan nhẫn，  
**Nữ nhân lúc sinh đẻ con khó，tà ma chướng ngại khổ khó nhẫn，**  
至誠稱誦大悲呪，鬼神退散安樂生。  
Chí thành xưng tụng Đại Bi chú，quỷ thần thoái tán an lạc sinh。  
**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi，quỷ thần lui tán sinh an lạc。**  
惡龍疫鬼行毒氣，熱病侵陵命欲終，  
Ác Long dịch quỷ hành độc khí，nhiệt bệnh xâm lăng mạng dục chung，  
**Rồng dữ ôn dịch quỷ hành khí độc，nhiệt bệnh xâm lấn muốn lấy mạng，**  
至心稱誦大悲呪，疫病消除壽命長。  
Chí thành xưng tụng Đại Bi chú，dịch bệnh tiêu trừ thọ mệnh trường。  
**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi，trừ ôn dịch bệnh mệnh tăng thêm。**  
龍鬼流行諸毒腫，癰瘡膿血痛叵堪，  
Long quỷ lưu hành chư độc thũng，ung sang nùng huyết thống khổ kham，  
**Rồng quỷ hành phù thũng độc，ung nhọt mủ máu đau khó chịu，**  
至心稱誦大悲呪，三唾毒腫隨口消。  
Chí thành xưng tụng Đại Bi chú，tam thóa độc thũng tùy khẩu tiêu。  
**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi，ba lần nôn độc theo miệng tiêu。**  
眾生濁惡起不善，厭魅呪詛結怨讐，  
Chúng sinh trọc ác khởi bất thiện，Yếm-mị chú trớ kết oán thù，  
**Chúng sinh đời ác không hành thiện，Yếm-mị bùa chú kết oán thù，**  
至心稱誦大悲呪，厭魅還著於本人。  
Chí thành xưng tụng Đại Bi chú，Yếm-mị hoàn trước ư bản nhân。  
**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi，Yếm-mị tự biến người như cũ。**  
惡生濁亂法滅時，姪欲火盛心迷倒，  
Ác sinh trọc loạn Pháp diệt thời，đâm dục hỏa thịnh tâm mê đảo，  
**Ác sinh thời loạn khi Pháp diệt，đâm dục bốc mạnh tâm mê đảo，**  
棄背妻媿外貪染，晝夜邪思無暫停，  
Khí bối thê tế ngoại tham nhiễm，trú dạ tà tư vô tạm đình，  
**Quên nghĩa vợ chồng tham nhiễm ngoại，ngày đêm tưởng tà không tạm dừng。**  
若能稱誦大悲呪，姪欲火滅邪心除。  
Chí thành xưng tụng Đại Bi chú，đâm dục hỏa diệt tà tâm trừ。  
**Thành tâm đọc tụng chú Đại Bi，diệt lửa đâm dục diệt tâm tà。**  
我若廣讚呪功力，一劫稱揚無盡期。  
Ngã nhược quảng tán Chú công lực，nhất Kiếp xưng dương vô tận kỳ。  
**Ta nếu rộng khen công lực Chú，một Kiếp tán dương không thể xong。**  
爾時觀世音菩薩，告梵天言：誦此呪五遍，取五色線作索，  
Nhĩ thời Quan Thế Âm Bồ-tát，cáo Phạm Thiên ngôn：Tụng thử chú ngũ biến，thủ ngũ sắc  
tuyến tác sách，



**Khi đó Quan Thế Âm Bồ-tát , bảo Phạm Thiên rằng : Tụng Chú này năm lượt, lấy chỉ ngũ sắc làm dây.**

呪二十一遍，結作二十一結，繫項。

**chú nhị thập nhất biến , kết tác nhị thập nhất kết, hệ hạng.**

**Tụng hai mươi một lượt, kết thành hai mươi một kết, buộc phía sau cổ.**

此陀羅尼，是過去九十九億恒河沙諸佛所說。彼等諸佛，為諸行人，

Thử Đà-la-ni , thị Quá khứ cửu thập cửu ức Hằng hà sa chư Phật sở thuyết . Bĩ đẳng chư Phật vị chư hành nhân ,

**Đà-la-ni này được 99 triệu Hằng hà sa các Phật Quá khứ thuyết. Các Phật đó vì người tu hành,**

修行六度，未滿足者，速令滿足故。未發菩提心者，速令發心故。

tu hành Lục-độ , vị mãn túc giả , tốc linh mãn túc cố . Vị phát Bồ-đề tâm giả , tốc linh phát tâm cố .

**tu hành Pháp Bồ-tát, chưa được đầy đủ, giúp nhanh chóng được trọn vẹn. Chưa phát tâm Bồ-đề, giúp nhanh chóng phát tâm.**

若聲聞人，未證果者，速令證故。

**Nhược Thanh-văn nhân , vị chứng quả giả, tốc linh chứng cố.**

**Nếu là Thanh-văn , chưa chứng quả , nhanh chóng giúp cho chứng quả .**

若三千大千世界內，諸神仙人，未發無上菩提心者，令速發心故。

Nhược Tam thiên Đại thiên Thế giới nội, chư Thần Tiên nhân , vị phát Vô-thượng Bồ-đề tâm giả , linh tốc phát tâm cố.

**Nếu ở trong Ba ngàn Đại thiên Thế giới, có các Thần Tiên , chưa phát tâm Bình đẳng Bồ-đề, nhanh chóng giúp cho phát tâm.**

若諸眾生，未得大乘信根者，以此陀羅尼威神力故，令其大乘種子，法芽增長。

Nhược chư chúng sinh , vị đắc Đại-thừa tín căn giả , dĩ thử Đà-la-ni uy thần lực cố, linh kỳ Đại-thừa chủng tử , Pháp nha tăng trưởng .

**Nếu các chúng sinh , chưa được Căn-tín Đại-Thừa, dùng Uy Thần lực của Chú Đà-la-ni này, giúp cho được giống Đại-thừa, mầm Pháp tăng trưởng.**

以我方便慈悲力故，令其所須，皆得成辦。

**Dĩ Ngã Phương-tiện Từ Bi lực cố, linh kỳ sở tu , giai đắc thành biện.**

**Dùng lực Từ Bi Phương-tiện của Ta , giúp cho nhanh được, đều được hoàn thành .**

若三千大千世界，幽隱闇處，三塗眾生，聞我此呪，

Nhược Tam thiên Đại thiên Thế giới, u âm ám xứ , Tam-đồ chúng-sinh , văn Ngã thử chú,

**Nếu Ba ngàn Đại thiên Thế giới, nơi tăm tối u ám che phủ, chúng sinh trong Ba đường ác, nghe Chú này của Ta,**

皆得離苦。有諸菩薩，未階初住者，速令得故，乃至令得十住地故。

giai đắc ly khổ . Hữu chư Bồ-tát , vị giai sơ trụ giả , tốc linh đắc cố, nãi chí linh đắc thập trụ địa cố .

**đều được rời khổ . Có các Bồ-tát, chưa được bậc 1(Hoan hỷ địa) nhanh chóng giúp cho được, thậm chí nhanh chóng giúp cho được bậc 10.**

又令得到佛地故，自然成就三十二相、八十隨形好。

Hựu linh đắc đạo Phật địa cố, tự nhiên thành tự tam thập nhị tướng 、 bát thập tùy hình hảo.

**Lại giúp cho tới được bậc Phật, tự nhiên thành đạt 32 tướng 80 dung mạo tốt.**

若聲聞人，聞此陀羅尼，一經耳者，修行、書寫此陀羅尼者，

Nhược Thanh-văn nhân , văn thử Đà-la-ni , nhất kinh nhĩ giả , tu hành 、 thư tả thử Đà-la-ni giả ,

**Nếu là Thanh-văn, nghe Đà-la-ni này, được nghe một lần, tu hành biên chép Đà-la-ni Chú này, với chất trực tâm, như Pháp nhi trụ giả, tứ Sa-môn quả, bất cầu tự đắc.**

**dùng tâm chân thực, theo như Pháp mà sống, Sa-môn quả bốn, không cầu tự được.**

若三千大千世界内,山河、石壁、四大海水,能令涌沸;

Nhược Tam thiên Đại thiên Thế giới nội, sơn hà、thạch bích、tứ đại hải thủy, năng linh dũng phí.

**Nếu ở trong Ba nghìn Đại thiên Thế giới, núi sông, động đá, nước bốn biển lớn, có thể khiến vọt sôi.**

須彌山及鐵圍山,能令搖動;又令碎如微塵,其中眾生,悉令發無上菩提心。

Tu-di sơn cập Thiết vi sơn, năng linh dao động. Hựu linh toái như vi trần, kỳ trung chúng sinh, tất linh phát Vô-thượng Bồ-đề tâm.

**Núi Tu-di cùng núi Thiết-vi, có thể làm cho dao động. Lại làm cho nát vụn như bụi trần, trong đó có chúng sinh, giúp cho tất cả phát tâm Bình-đẳng Bồ-đề.**

若諸眾生,現世求願者,於三七日,淨持齋戒,誦此陀羅尼,必果所願。

Nhược chư chúng sinh, hiện thế cầu nguyện giả, ư tam thất nhật, tịnh trì trai giới, tụng thử Đà-la-ni, tất quả sở nguyện.

**Nếu các chúng sinh, hiện thế cầu nguyện, trong hai mươi một ngày, giữ trai giới tịnh, tụng Đà-la-ni này, các nguyện đều thành quả.**

從生死際,至生死際,一切惡業,並皆滅盡。三千大千世界内,

Tòng sinh tử tế, chí sinh tử tế, nhất thiết ác nghiệp, tịnh giai diệt tận. Tam thiên Đại thiên thế giới nội,

**Từ bờ sinh tử, đến bến sinh tử, tất cả nghiệp ác, đều diệt hết sạch. Ở trong Ba nghìn Đại thiên Thế giới,**

一切諸佛、菩薩、梵、釋、四天王、神仙、龍王,悉皆證知。

nhất thiết chư Phật、Bồ-tát、Phạm、Thích、Tứ Thiên-vương、Thần tiên、Long-vương, tất giai chứng tri.

**tất cả các Phật Bồ-tát Phạm Thích, Tứ Thiên-vương Thần Tiên Long-vương, tất cả đều tới chứng giám.**

若諸人天,誦持此陀羅尼者,其人若在江河大海中沐浴,其中眾生,

Nhược chư Nhân Thiên, tụng trì thử Đà-la-ni giả, kỳ nhân nhược tại giang hà Đại hải trung mộc dục, kỳ trung chúng sinh,

**Nếu các Trời Người, tụng nhớ Đà-la-ni này, người đó nếu tắm rửa ở sông ngòi biển lớn, chúng sinh ở trong đó,**

得此人浴身之水,霑著其身,一切惡業、重罪,悉皆消滅,

đắc thử nhân dục thân chi thủy, triêm trú kỳ thân, nhất thiết ác nghiệp、trọng tội, tất giai tiêu diệt.

**nước tắm rửa thân người đó, thấm vào thân chúng, tất cả nghiệp ác tội nặng, đều tiêu diệt hết,**

即得轉生他方淨土,蓮華化生,不受胎身、濕卵之身,何況受持讀誦者?

Tức đắc chuyển sinh tha phương tịnh thổ, Liên hoa hóa sinh, bất thụ thai thân、thấp noãn chi thân, hà huống thụ trì độc tụng giả?

**Tức thì được chuyển sinh cõi Tịnh khác, hoa Sen hoá sinh, chẳng thụ thai sinh ẩm thấp noãn sinh thân, huống chi ghi nhớ đọc tụng?**

若誦持者,行於道路,大風時來,吹此人身、毛髮、衣服,餘風下過,

Nhược tụng trì giả , hành u Đạo lộ , đại phong thổi lai , xuy thử nhân thân 、 mao phát 、 y phục , dư phong hạ quá ,

**Nếu người tụng nhớ Chú, đi trên đường lớn, gió to thổi tới, thổi quần áo tóc thân người đó, gió còn lại đi qua,**

諸類眾生，得其人颯身風，吹著身者，一切重罪、惡業，並皆滅盡，

chư loại chúng sinh , đắc kỳ nhân phiêu thân phong , xuy trừ thân giả , nhất thiết trọng tội 、 ác nghiệp , tịnh giai diệt tận ,

**các loại chúng sinh, nhận được gió qua thân người đó chuyển tới, thổi vào thân họ, tất cả tội nặng nghiệp ác, đều tiêu diệt hết,**

更不受三惡道報，常生佛前。當知受持者，福德果報，不可思議。

cánh bất thụ Tam ác đạo báo , thường sinh Phật tiền . Đương tri thụ trì giả , phúc đức quả báo , bất khả tư nghị .

**càng không nhận quả báo của Ba đường dữ , thường sinh trước các Phật . Nên biết người ghi nhớ Chú , phúc đức quả báo, không thể suy bàn.**

誦持此陀羅尼者，口中所出言音，若善、若惡，一切天魔、外道、天龍、

Tụng trì thử Đà-la-ni giả , khẩu trung sở xuất ngôn âm , nhược thiện 、 nhược ác , nhất thiết Thiên ma 、 ngoại đạo 、 Thiên Long 、

**Người tụng nhớ Đà-la-ni này , lời từ miệng nói ra, là thiện là ác, tất cả Ma Trời ngoại đạo Rồng Trời ,**

鬼神聞者，皆是清淨法音，皆於其人起恭敬心，尊重如佛。

Quý Thần văn giả , giai thị thanh tịnh Pháp âm , giai ư kỳ nhân khởi cung kính tâm , tôn trọng như Phật .

**Quý Thần nghe được, đều là Pháp âm thanh tịnh, đều với người đó khởi tâm cung kính, tôn trọng như Phật .**

誦持此陀羅尼者，當知其人，即是佛身藏，九十九億恒河沙諸佛所愛惜故。

Tụng trì thử Đà-la-ni giả , đương tri kỳ nhân , tức thị Phật thân tạng , cửu thập cửu ức Hằng hà sa chư Phật sở ái tích cố .

**Tụng nhớ Đà-la-ni này , nên biết người đó, tức là thân tạng của Phật, được chín mươi chín triệu Hằng-hà-sa chư Phật thương yêu.**

當知其人，即是光明藏，一切如來光明照故。

Đương tri kỳ nhân , tức thị quang minh tạng , nhất thiết Như Lai quang minh chiếu cố .

**Nên biết người đó, tức là nơi tàng chứa quang minh, được quang minh của tất cả Như Lai soi chiếu .**

當知其人，是慈悲藏，恒以陀羅尼救眾生故。

Đương tri kỳ nhân , thị Từ Bi tạng , hằng dĩ Đà-la-ni cứu chúng sinh cố .

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa Từ Bi, thường dùng Đà-la-ni cứu độ chúng sinh .**

當知其人，是妙法藏，普攝一切諸陀羅尼門故。

Đương tri kỳ nhân , thị diệu Pháp tạng , phổ nhiếp nhất thiết chư Đà-la-ni môn cố .

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa các diệu Pháp , thu giữ rộng rãi tất cả các môn Đà-la-ni .**

當知其人，是禪定藏，百千三昧常現前故。

Đương tri kỳ nhân , thị Thiền định tạng , bách thiên Tam-muội thường hiện tiền cố .

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa Thiền định, trăm nghìn Tam-muội thường hiện ra phía trước.**

當知其人，是虛空藏，常以空慧觀眾生故。

Đương tri kỳ nhân , thị hư không tạng , thường dĩ Không Tuệ quan chúng sinh cố .

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa rỗng không, thường dùng Tuệ rỗng không quan chiếu chúng sinh.**

當知其人，是無畏藏，龍天善神常護持故。

**Đương tri kỳ nhân, thị vô úy tạng, Long Thiên thiện Thần thường hộ trì cố.**

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa sự không sợ hãi, Rỗng Trời Thần thiện thường tới hộ trì.**

當知其人，是妙語藏，口中陀羅尼音無斷絕故。

**Đương tri kỳ nhân, thị diệu ngữ tạng, khẩu trung Đà-la-ni âm vô đoạn tuyệt cố.**

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa lời vi diệu, âm Đà-la-ni trong miệng không thể đứt đoạn.**

當知其人，是常住藏，三災惡劫不能壞故。

**Đương tri kỳ nhân, thị Thường trụ tạng, tam tai ác Kiếp bất năng hoại cố.**

**Nên biết người đó, là kho tàng của Tam bảo, Tam tai Kiếp ác không thể phá hoại.**

當知其人，是解脫藏，天魔外道不能稽留故。

**Đương tri kỳ nhân, thị giải thoát tạng, Thiên ma ngoại đạo bất năng kê lưu cố.**

**Nên biết người đó, là nơi Giải thoát, ma Trời ngoại đạo không thể lưu ở lại.**

當知其人，是藥王藏，常以陀羅尼療眾生病故。

**Đương tri thị Dược-vương tạng, thường dĩ Đà-la-ni liệu chúng sinh bệnh cố.**

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa thuốc quý, thường dùng Đà-la-ni chữa chúng sinh bị bệnh.**

當知其人，是神通藏，遊諸佛國得自在故。

**Đương tri kỳ nhân, thị Thần thông tạng, du chư Phật quốc đắc tự tại cố.**

**Nên biết người đó, là kho tàng chứa Thần thông, du hành tự do tới các đất Phật.**

其人功德讚不可盡。善男子！若復有人，厭世間苦，

**Kỳ nhân công đức tán bất khả tận. Thiện nam tử! Nhược phục hữu nhân, yếm thế gian khổ,**

**Khen ngợi công đức của người đó không thể kể hết. Ngài nam thiện! Nếu lại có người, chán khổ của Thế gian,**

求長生樂者，在閑淨處，清淨結界。呪衣著，

**cầu trường sinh lạc giả, tại nhàn tịnh xứ, thanh tịnh kết giới. Chú y trước.**

**cầu trường sinh an lạc, ở nơi vắng thanh tịnh, thanh tịnh kết giới. Niệm Chú cho áo mặc,**

若水、若食、若香、若藥，皆呪一百八遍，服，必得長命。

**Nhược thủy、nhược thực、nhược hương、nhược dược, giai chú nhất bách bát biên,**

**phục, tất đắc trường mệnh.**

**nước, thức ăn, hương, thuốc uống, đều đọc Chú 108 lượt, đem sử dụng, chắc chắn được trường thọ.**

若能如法結界，依法受持，一切成就。

**Nhược năng như Pháp kết giới, y Pháp thụ trì, nhất thiết thành tựu.**

**Nếu có thể như Pháp kết giới, dựa vào Pháp ghi nhớ, thành công tất cả.**

其結界法者，取刀，呪二十一遍，劃地為界。

**Kỳ kết giới Pháp giả, thủ đao, chú nhị thập nhất biên, hoạch địa vi giới.**

**Người kết giới Pháp, cầm lấy dao, niệm chú hai mươi một lượt, vạch xuống đất làm giới.**

或取淨水，呪二十一遍，散著四方為界。

**Hoặc thủ tịnh thủy, chú nhị thập nhất biên, tán trước tứ phương vi giới.**

**Hoặc lấy nước sạch, niệm Chú hai mươi một lượt, tung ra bốn phương làm ranh giới.**

或取白芥子，呪二十一遍，擲著四方為界。

**Hoặc thủ bạch giới tử, chú nhị thập nhất biên, trích trước tứ phương vi giới.**

**Hoặc lấy hạt củ cải, đọc Chú hai mươi một lượt, ném ra bốn phương làm ranh giới**

或以想到處為界，或取淨灰，呪二十一遍為界。

Hoặc dĩ tưởng áo xú vi giới, hoặc thủ tịnh hôi, chú nhị thập nhất biên vi giới.

**Hoặc dùng suy tưởng tới nơi đến làm giới, hoặc lấy tro sạch, đọc Chú hai mươi một lượt rải ra làm ranh giới.**

或呪五色線二十一遍，圍繞四邊為界。皆得。

Hoặc chú ngũ sắc tuyến nhị thập nhất biên, vi nhiều tứ biên vi giới, giai đắc.

**Hoặc đọc Chú cho dây ngũ sắc hai mươi một lượt, vây quanh bốn phía làm giới, đều được.**

若能如法受持，自然剋果。若聞此陀羅尼名字者，

Nhược năng như Pháp thụ trì, tự nhiên khắc quả. Nhược văn thử Đà-la-ni danh tự giả,

**Nếu có thể như Pháp ghi nhớ, tự nhiên chế khắc được quả. Nếu nghe tên Chú Đà-la-ni này,**

尚滅無量劫生死重罪，何況誦持者？若得此神呪誦者，

thượng diệt vô lượng kiếp sinh tử trọng tội, hà hưởng tụng trì giả? Nhược đắc thử Thần chú tụng giả,

**đã diệt được vô lượng kiếp sinh tử trọng tội, hưởng gì tụng nhớ? Nếu người tụng được Thần chú này,**

當知其人，已曾供養無量諸佛，廣種善根。

đương tri kỳ nhân, dĩ tăng cúng dưỡng vô lượng chư Phật, quảng chủng thiện Căn.

**nên biết người đó, đã từng cúng dưỡng vô lượng các Phật, trồng Căn thiện rộng khắp.**

若能為諸眾生，拔其苦難，如法誦持者，

Nhược năng vị chư chúng sinh, bạt kỳ khổ nạn, như Pháp tụng trì giả,

**Nếu có thể vì các chúng sinh, tháo bỏ nạn khổ của họ, người như Pháp tụng nhớ,**

當知其人，即是具大悲者。成佛不久，所見眾生，

đương tri kỳ nhân, tức thị cụ Đại Bi giả. Thành Phật bất cửu, sở kiến chúng sinh,

**nên biết người đó, tức là người đủ Đại Bi. Không lâu nữa thành Phật, nhìn thấy chúng sinh,**

皆悉為誦，令彼耳聞，與作菩提因，是人功德，無量無邊，讚不可盡。

giai tất vị tụng, linh bỉ nhĩ văn, dĩ tác Bồ-đề nhân, thị nhân công đức, vô lượng vô biên, tán bất khả tận.

**tụng cho tất cả, giúp cho tai họ nghe được, cũng là tạo hạt Bồ-đề, công đức của người đó, vô lượng vô biên, khen ngợi không thể hết.**

若能精誠用心，身持齋戒，為一切眾生，懺悔先業之罪，亦自懺謝，

Nhược năng tinh thành dụng tâm, thân trì trai giới, vị nhất thiết chúng sinh, sám hối tiên nghiệp chi tội, diệt tự sám tạ,

**Nếu năng Tinh tiến thành thực dùng tâm, thân giữ trai giới, vì tất cả chúng sinh, sám hối nghiệp tội Kiếp trước, cũng sám hối tạ tội của bản thân,**

無量劫來，種種惡業，口中馱馱，誦此陀羅尼，

vô lượng kiếp lai, chủng chủng ác nghiệp, khẩu trung (cập cập) 馱馱, tụng thử Đà-la-ni,

**vô lượng kiếp tới nay, các loại nghiệp ác, trong miệng luôn luôn tụng chú Đà-la-ni này,**

聲聲不絕者，四沙門果，此生即證。其利根有慧，

thanh thanh bất tuyệt giả, tứ Sa-môn quả, thử sinh tức chứng. Kỳ lợi căn hữu tuệ,

**tiếng tiếng chẳng dứt, Sa-môn quả bốn, sinh tức thì chứng được điều đó. Người đó có trí tuệ Căn thiện,**

觀方便者，十地果位，剋獲不難，

quan phương tiện giả, Thập Địa quả vị, khắc hoạch bất nan,

**nhìn thấy Phương tiện, Thập địa Bồ-tát, có thể được dễ dàng,**

何況世間小小福報？所有求願，無不果遂者也。若欲使鬼者，

**hà huông Thế gian tiểu tiểu phúc báo ? Sở hữu cầu nguyện , vô bất quả toại giả dã . Nhược dục sử Quỷ giả ,**

**huông chi Phúc báo của Thế gian nhỏ xíu ? Có cầu nguyện , tất cả đều toại nguyện . Nếu muốn sai khiến Quỷ ,**

取野鬪穢淨洗 , 於千眼像前設壇場 ,

thủ dã độc lâu tịnh tẩy , ư thiên nhãn tượng tiền thiết Đàn-tràng ,

**lấy xương đầu lâu của thú hoang rửa sạch , ở trước tượng Quan-âm nghìn mắt kiến thiết Đạo-tràng ,**

以種種香華、飲食祭之 , 日日如是 , 七日必來現身 , 隨人使令。

dĩ chủng chủng hương hoa、ẩm thực tế chi , nhật nhật như thị , thất nhật tất lai hiện thân , tùy nhân sử linh .

**dùng các loại hương hoa , đồ ăn uống cúng tế , hàng ngày làm như thế , bảy ngày tất cả Quỷ tới hiện thân , tùy người sai khiến.**

若欲使四天王者 , 呪檀香燒之。

Nhược dục sử Tứ Thiên-vương giả , chú đàn hương thiêu chi.

**Nếu muốn sai khiến bốn Thiên-vương , đọc Chú vào đàn hương đốt đi.**

由此菩薩大悲願力深重故 , 亦為此陀羅尼威神廣大故。佛告阿難 :

Do thử Bồ-tát Đại Bi nguyện lực thâm trọng cố , diệc vi thử Đà-la-ni uy thần quảng đại cố , **Phật cáo A-nan :**

**Do Đại Bi nguyện lực sâu nặng của Bồ-tát đó , cũng là uy thần rộng lớn của chú Đà-la-ni này. Phật bảo A-nan :**

若有國土 , 災難起時 , 是土國王 , 若以正法治國 , 寬縱人物 , 不枉眾生 ,

Nhược hữu quốc thổ , tai nạn khởi thời , thị thổ Quốc-vương , nhược dĩ chính Pháp trị quốc , khoan túng nhân vật , bất uổng chúng sinh ,

**Nếu có đất nước , lúc sắp xảy ra tai nạn , Quốc-vương nước đó , nếu dùng chính Pháp cai quản đất nước , khoan dung buông tha người vật , không làm chúng sinh oan uổng ,**

赦諸有過 , 七日七夜 , 身心精進 , 誦持如是大悲心陀羅尼神呪 ,

xá chư hữu quá , thất nhật thất dạ , thân tâm tinh tiến , tụng trì như thị Đại Bi tâm Đà-la-ni Thần chú ,

**xóa bỏ các việc đã qua , bảy ngày bảy đêm , thân tâm tinh tiến , tụng nhớ Thần chú Đại Bi tâm Đà-la-ni này ,**

令彼國土 , 一切災難悉皆除滅 , 五穀豐登 , 萬姓安樂。又若為於他國怨敵 ,

linh bỉ quốc thổ , nhất thiết tai nạn tất giai trừ diệt , ngũ cốc phong đăng , vạn tính an lạc .

Hựu nhược vị ư tha quốc oán địch ,

**giúp cho đất nước đó , tất cả tai nạn , đều trừ diệt hết , ngũ cốc dồi dào , vạn họ an lạc. Nếu lại vì nước oán địch ,**

數來侵擾 , 百姓不安 , 大臣謀叛 , 疫氣流行 ,

sác lai xâm nhiễu , bách tính bất an , đại thần mưu phản , dịch khí lưu hành ,

**thường lại xâm lấn quấy rối , trăm họ bất an , đại thần toan tính làm phản , ôn dịch hoành hành.**

水旱不調 , 日月失度。如是種種災難起時 , 當造千眼大悲心像 ,

thủy hạn bất điều , nhật nguyệt thất độ . Như thị chủng chủng tai nạn khởi thời , đương tạo thiên nhãn Đại Bi tâm tượng ,

**hạn hán chẳng điều hoà , mặt Trời mặt Trăng thất thường không đúng độ . Khi xảy ra đủ các loại tai nạn , nên tạo dựng tượng Đại Bi nghìn mắt ,**

面向西方 , 以種種香華、幢幡、寶蓋、或百味飲食 , 至心供養。

diện hướng Tây phương , dĩ chủng chủng hương hoa 、 tràng phan 、 bảo cái 、 hoặc bách vị ẩm thực , chí tâm cúng dường .

**mặt quay hướng Tây, dùng các loại hương hoa tràng phan bảo cái hoặc thức ăn uống trăm vị , chí tâm cúng dường .**

其王又能七日七夜 , 身心精進 , 誦持如是陀羅尼神妙章句 。

Kỳ Vương hựu năng thất nhật thất dạ , thân tâm tinh tiến , tụng trì như thị Đà-la-ni thần diệu chương cú .

**Vua đó lại năng bảy ngày bảy đêm , thân tâm tinh tiến , tụng nhớ đúng như thế Thần diệu câu đoạn Đà-la-ni này .**

外國怨敵 , 即自降伏 , 各還政治 , 不相擾惱 ,

Ngoại quốc oán địch , tức tự hàng phục , các hoàn chính trị , bất tương nhiễu não ,

**Nước ngoài oán địch , tức thì tự hàng phục , trở lại xã hội thịnh trị , không còn nhiễu não ,**

國土通同 , 慈心相向 。

王子百官 , 皆行忠赤 ,

**quốc thổ thông đồng , từ tâm tương hướng . Vương tử bá quan , giai hành trung xích ,**

**đất nước thông suốt , tâm Từ cùng chí hướng . Vương tử bá quan , đều trung thực tâm huyết ,**

妃后嫔女 , 孝敬向王 。

諸龍鬼神 , 擁護其國 。

**phi hậu cung nữ , hiếu kính hướng Vương . Chư Long Quỷ Thần , ủng hộ kỳ quốc .**

**phi hậu cung nữ , hiếu cung kính Vua . Các Rồng Quỷ Thần , ủng hộ nước đó .**

雨澤順時 , 果實豐饒 , 人民歡樂 。

又若家內 , 遇大惡病 ,

**Vũ trạch thuận thời , quả thực phong nhiêu , nhân dân hoan lạc . Hựu nhược gia nội , ngộ đại**

**ác bệnh ,**

**Mưa thuận theo thời , hoa quả phong phú , nhân dân vui vẻ yên bình . Nếu lại ở trong gia**

**đình , gặp bệnh lớn ác ,**

百怪競起 , 鬼神邪魔 , 耗亂其家 , 惡人橫造 ,

bách quái cạnh khởi , Quỷ Thần tà ma , hao loạn kỳ gia , ác nhân hoành tạo ,

**trăm việc lạ cùng tới , Quỷ Thần tà ma , nhà đó sa sút náo loạn , người ác ngang nhiên hoành**

**hành ,**

口舌以相 , 謀害室家 , 大小內外不和者 ,

khẩu thiệt dĩ tương , mưu hại thất gia , đại tiểu nội ngoại bất hòa giả ,

**dùng miệng lưỡi mưu hại gia đình , lớn nhỏ nội ngoại chẳng hòa thuận ,**

當向千眼大悲像前 , 設其壇場 , 至心念觀世音菩薩 。

**đương hướng thiên nhãn Đại Bi tượng tiền , thiết kỳ đàn tràng , chí tâm niệm Quan Thế Âm**

**Bồ-tát .**

**Nên hướng về trước tượng Đại Bi nghìn mắt , sắp bày đàn tràng , chí tâm niệm Quan Thế Âm**

**Bồ-tát .**

誦此陀羅尼 , 滿其千遍 , 如上惡事 , 悉皆消滅 , 永得安穩 。

Tụng thử Đà-la-ni , mãn kỳ thiên biến , như thượng ác sự , tất giai tiêu diệt , vĩnh đắc an ổn 。

**Tụng Đà-la-ni này , đủ một nghìn lượt , các việc dữ như trên , tất cả đều tiêu diệt , vĩnh viễn**

**được yên ổn 。**

阿難白佛言 : 世尊 ! 此呪名何 ? 云何受持 ? 佛告阿難 :

A-nan bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Thử Chú danh hà ? Vân hà thọ trì ? Phật cáo A-nan :

**A-nan bạch Phật rằng : Thế-Tôn ! Chú này tên là gì ? Ghi nhớ như thế nào ? Phật bảo A-nan :**

如是神呪有種種名 。

一名 : 廣大圓滿 。

Như thị Thần chú hữu chủng chủng danh . Nhất danh : Quảng Đại Viên Mãn .

**Thần chú như thế có rất nhiều tên . Một tên : Rộng lớn đầy đủ 。**

一名 : 無礙大悲 。

一名 : 救苦陀羅尼 。

**Nhất danh : Vô Ngại Đại Bi . Nhất danh : Cứu Khổ Đà-la-ni .**

**Một tên : Đại Bi không trở ngại. Một tên : Đà-la-ni Cứu Khổ.**

一名：延壽陀羅尼。一名：滅惡趣陀羅尼。

**Nhất danh : Diên Thọ Đà-la-ni . Nhất danh : Diệt Ác Thú Đà-la-ni .**

**Một tên : Đà-la-ni trường thọ. Một tên : Đà-la-ni diệt Ba đường khổ.**

一名：破惡業障陀羅尼。一名：滿願陀羅尼。

**Nhất danh : Phá ác Nghiệp Chướng Đà-la-ni . Nhất danh : Mãn Nguyện Đà-la-ni .**

**Một tên : Đà-la-ni phá nghiệp chướng dữ . Một tên : Đà-la-ni thỏa mãn nguyện.**

一名：隨心自在陀羅尼。一名：速超上地陀羅尼。如是受持。

**Nhất danh : Tùy tâm Tự tại Đà-la-ni . Nhất danh : Tốc siêu thượng địa Đà-la-ni . Như thị thụ trì .**

**Một tên : Đà-la-ni Tâm vui được tự do . Một tên : Đà-la-ni vượt nhanh thành Thượng địa .**

**Ghi nhớ như thế .**

阿難白佛言：世尊！此菩薩摩訶薩，名字何等？善能宣說如是陀羅尼。

A-nan bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! thử Bồ-tát Ma-ha-tát , danh tự hà đẳng ? Thiện năng tuyên thuyết như thị Đà-la-ni .

**A-nan bạch Phật rằng : Thế-Tôn ! Đại Bồ-Tát đó, tên họ là gì , thiện năng tuyên thuyết Đà-la-ni như thế.**

佛言：此菩薩名觀世音自在，亦名撚索，亦名千光眼。

Phật ngôn : Thử Bồ-tát danh ‘Quan Thế Âm Tự tại’, diệc danh ‘Niên sách’, diệc danh ‘Thiên quang nhãn’.

**Phật rằng : Bồ-tát đó tên ‘Quan Thế Âm Tự tại’, cũng có tên ‘Cầm tìm’, cũng có tên ‘Mắt nghìn quang’.**

善男子！此觀世音菩薩，不可思議威神之力，

Thiện nam tử ! Thử Quan Thế Âm Bồ-tát , bất khả tư nghị uy thần chi lực ,

**Ngài nam thiện ! Quan Thế Âm Bồ-tát , lực uy thần không thể nghĩ bàn ,**

已於過去無量劫中，已作佛竟，號“正法明如來。大悲願力，

dĩ ư Quá khứ vô lượng kiếp trung , dĩ tác Phật cánh , hiệu Chính Pháp Minh Như Lai . Đại Bi nguyện lực ,

**trong vô lượng kiếp Quá khứ, đã trọn vẹn việc làm Phật, tên hiệu Chính Pháp Minh Như Lai . Lực Đại Bi nguyện,**

為欲發起一切菩薩，安樂成熟諸眾生故，現作菩薩。

vì dục phát khởi nhất thiết Bồ-tát, an lạc thành thực chư chúng sinh cố, hiện tác Bồ-tát .

**vì muốn phát khởi tất cả Bồ-tát , cố gắng an lạc thành thực các chúng sinh, hiện làm Bồ-tát.**

汝等大眾、諸菩薩摩訶薩、梵、釋、龍、神，

Nhữ đẳng Đại chúng、chư Bồ-tát Ma-ha-tát、Phạm、Thích、Long、Thần，

**Ngài và Đại chúng , các Đại Bồ-tát , Phạm Thích , Rồng Thần ,**

皆應恭敬，莫生輕慢。一切人天，常須供養。

giai ưng cung kính , mạc sinh khinh mạn . Nhất thiết nhân Thiên , thường tu cúng dưỡng .

**đều nên cung kính, không được sinh khinh mạn . Tất cả Trời Người, thường nên cúng dưỡng .**

專稱名號，得無量福，滅無量罪，

chuyên xưng danh hiệu , đắc vô lượng phúc , diệt vô lượng tội ,

**chuyên đọc tên hiệu, được vô lượng phúc, diệt vô lượng tội ,**

命終往生阿彌陀佛國。佛告阿難：此觀世音菩薩，所說神呪，真實不虛。

mệnh chung vãng sinh A Di Đà Phật quốc . Phật cáo A-nan : Thử Quan Thế Âm Bồ-tát , sở thuyết Thần chú , chân thực bất hư .



**mệnh chung vãng sinh nước Cực lạc của A Di Đà Phật. Phật bảo A-nan : Thần chú được Quan Thế Âm Bồ-tát thuyết, chân thực không sai .**

若欲請此菩薩來，呪拙具羅香(拙具羅香，安息香也)三七遍，燒，菩薩即來。

Nhược dục thỉnh thử Bồ-tát lai, chú Chuyết cụ la hương (Chuyết cụ la hương, An-tức hương dã) tam thất biến, thiêu, Bồ-tát tức lai.

**Nếu muốn thỉnh Bồ-tát đó tới, đọc chú vào An-tức hương (Cánh kiến trắng hay là Nhựa cây Bồ đề) hai mươi một lượt, đốt hương, Bồ-tát tức thì tới .**

若有猫兒所著者，取弭哩吒那(死猫兒頭骨也)燒作灰，和淨土泥，

Nhược hữu miêu nhi sở trước giả, thủ Nhị lý tra na (tử miêu nhi đầu cốt dã) thiêu tác hôi, hòa tịnh thổ nê,

**Nếu có trẻ con khóc như mèo, lấy xương đầu mèo con đã chết đốt thành tro, trộn với bùn sạch,捻作猫兒形，於千眼像前，呪鑢鐵刀子一百八遍，**

niệp tác miêu nhi hình, ư thiên nhãn tượng tiền, chú tán thiết đao tử nhất bách bát biến, nặn thành hình con mèo con, ở trước tượng nghìn mắt, đọc Chú vào con dao thép tốt 108

**lượt,**

段段割之，亦一百八段，遍遍一呪，一稱彼名，

đoạn đoạn cắt chi, diệp nhất bách bát đoạn, biến biến nhất chú, nhất xưng bỉ danh,

**cắt đứt thành từng đoạn, cũng chia thành 108 đoạn, mỗi một đoạn đọc một Chú, đọc tên nó một lần,**

即永差不著。若為蠱毒所害者，取藥劫布羅(龍腦香也)，

tức vĩnh sai bất trước. Nhược vi cô độc sở hại giả, thủ dược Kiếp-bố-la (long não hương dã),

**tức thì khỏi vĩnh viễn. Nếu bị hại do đầu độc, lấy Long não hương,**

和拙具羅香，各等分，以井華水一升和煎，

hòa Chuyết cụ la hương, các đẳng phân, dĩ tỉnh hoa thủy nhất thăng hòa tiên,

**hòa trộn với An tức hương, đều bằng nhau, dùng nước sương của hoa một lít nấu cùng,**

取一升，於千眼像前，呪一百八遍，服，即差。

thủ nhất thăng, ư thiên nhãn tượng tiền, chú nhất bách bát biến, phục, tức sai.

**lấy một lít, ở trước tượng nghìn mắt, đọc Chú 108 lượt, uống, tức thì khỏi.**

若為惡蛇蠍所螫者，取乾薑末，呪一七遍，著瘡中，立即除差。

Nhược vi ác xà hiết sở thích giả, thủ can khương mạt, chú nhất thất biến, trước sang trung, lập tức trừ sai.

**Nếu bị rắn độc bò cạp cắn, lấy bột gừng khô, đọc Chú bảy lượt, buộc vào vết thương, lập tức khỏi ngay.**

若為惡怨橫相謀害者，取淨土、或麵、或蠟，捻作本形，於千眼像前，

Nhược vi ác oán hoành tương mưu hại giả, thủ tịnh thổ、hoặc miến、hoặc Lạp, niệp tác bản hình, ư thiên nhãn tượng tiền,

**Nếu bị oán ác bất ngờ mưu hại, lấy đất sạch hoặc miến hoặc sáp ong, nặn thành hình của nó, ở trước tượng nghìn mắt,**

呪鑢鐵刀一百八遍，一呪一截，一稱彼名，

chú tán thiết đao nhất bách bát biến, nhất chú nhất tiết, nhất xưng bỉ danh,

**đọc Chú vào con dao thép tốt 108 lượt, một lượt chú cắt đứt một đoạn, đọc tên một lần,**

燒盡一百八段，彼即歡喜，終身厚重，相愛敬。

thiêu tận nhất bách bát đoạn, bỉ tức hoan hỷ, chung thân hậu trọng, tương ái kính.

**đốt hết 108 đoạn, tức thì nó vui vẻ, hết đời hậu đãi tôn trọng, được người yêu kính.**

若有患眼睛壞者，若青盲眼暗者，若白暈、赤膜，無光明者，

Nhược hữu hoạn nhãn tinh hoại giả , nhược thanh manh nhãn ám giả , nhược bạch vưng 、  
xích mô, vô quang minh giả,

**Nếu con người mắt bị hồng , hoặc mắt mờ do tăng nhãn áp, hoặc bệnh choáng váng chóng  
mặt hoa mắt ngất, màng mắt đỏ, không có quang minh,**

取訶梨勒果、菴摩勒果、鞞醯勒果，

thủ Ha lê lạc quả 、 Am ma lạc quả 、 Tì ê lạc quả ，

**lấy quả Ha tử (quả tạng thanh), quả Am ma lạc, quả Tì ê lạc,**

三種各一顆，搗破細研。當研時，唯須護淨，

tam chủng các nhất khóa , đảo phá tế nghiên . Đương nghiên thời , duy tu hộ tịnh ,

**ba loại đều lấy một hạt , bóc vỏ nghiên nhỏ . Đương nhiên khi nghiên, chỉ cần giữ cho sạch sẽ ,**

莫使新產婦人及猪、狗見。口中念佛，以白蜜、若人乳汁，

mạc sử tân sản phụ nhân cập trư 、 cầu kiến . Khẩu trung niệm Phật , dĩ bạch mật , nhược  
nhân nhũ trấp ,

**không sai phụ nữ mới sinh con , không để cho lợn chó trông thấy. Trong miệng niệm Phật,  
dùng mật ong , hoặc sữa người,**

和封眼中。著其人乳，要須男孩子母乳，女母乳不成。

Hòa phong nhãn trung . Trước kỳ nhân nhũ , yếu tu nam hài tử mẫu nhũ , nữ mẫu nhũ bất  
thành.

**dán vào mắt. Sữa của người cho, cốt yếu là con trai cần sữa của mẹ sinh cháu trai, sữa của mẹ  
sinh cháu gái không được.**

其藥和竟，還須千眼像前，呪一千八遍，

Kỳ dược hòa cánh , hoàn tu thiên nhãn tượng tiền , chú nhất thiên bát biến ,

**Hòa trộn xong thuốc, trở lại trước tượng nghìn mắt, đọc Chú 1.008 lượt,**

著眼中，滿七日，在深室慎風，眼睛還生。

trước nhãn trung , mãn thất nhật , tại thâm thất thận phong , nhãn tinh hoàn sinh ,

**dịt vào trong mắt, đầy đủ bảy ngày, ở trong phòng kín cẩn thận với gió, con người mắt sinh  
trở lại.**

青盲、白暈者，光奇盛也。若患瘡病著者，

thanh manh 、 bạch vưng giả , quang kì thịnh dã . Nhược hoạn ngược bệnh trước giả ,

**mắt mờ do tăng nhãn áp, bệnh choáng váng hoa mắt ngất, bệnh lóa mắt cũng làm như trên.**

**Nếu bị bệnh sốt rét,**

取虎、豹、豺、狼皮，呪三七遍，披著身上，即差。師子皮最上。

thủ hổ 、 báo 、 sài 、 lang bì, chú tam thất biến , phi trước thân thượng , tức sái . Sư tử bì tối  
thượng .

**lấy da hổ báo chó sấn chó sói , đọc Chú hai mươi một lượt, khoác lên trên thân người , tức thì  
khỏi . Da của sư tử là tốt nhất.**

若被蛇螫，取被螫人結(月\*寧)，呪三七遍，著瘡中，即差。

Nhược bị xà thích , thủ bị thích nhân kết ninh (nguyệt \*ninh), chú tam thất biến, trước sang  
trung, tức sái.

**Nếu bị rắn cắn, giữ lấy vết thương người bệnh, lấy đoạn dây, đọc Chú hai mươi một lượt,  
buộc giữa vết thương, tức thì khỏi.**

若患惡瘡，入心悶絕欲死者，取桃膠一顆，大小亦如桃顆，

Nhược hoạn ác ngược, nhập tâm muộn tuyệt dục tử giả , thủ đào giao nhất khóa , đại tiểu diệc  
như đào khóa .

**Nếu bị sốt rét ác tính, nhập tâm gây buồn bực muốn chết, lấy keo cây đào một hạt, lớn nhỏ  
tuổi cũng to bằng hạt đào,**

清水一升和煎，取半升，呪七遍，頓服盡，即差。其藥莫使婦人煎。

thanh thủy nhất thăng hòa tiên, thủ bán thăng, chú thất biến, đôn phục tận, tức sai. Kỳ được mặc sử phụ nhân tiên.

**hòa một lít nước sạch đun nóng, lấy nửa lít, đọc Chú bảy lượt, uống cho hết, tức thì khỏi. Không được sai phụ nữ đun thuốc.**

若患傳屍鬼氣、伏屍連病者，取拙具羅香，呪三七遍，

Nhược hoạn truyền thi quỷ khí、phục thi liên bệnh giả, thủ Chuyết cụ la hương, chú tam thất biến,

**Nếu bị nhiễm tà khí của Ma Quỷ, bệnh có liên quan tới ẩn náu bên thân ma, lấy Cánh kiến trắng, đọc Chú hai mươi một lượt,**

燒熏鼻孔中。又取七丸如兔糞，呪三七遍，吞，即差。慎酒肉五辛及惡罵。

thieu huân tị khổng trung. Hựu thủ thất hoàn như thỏ phân, đọc Chú tam thất biến, thôn, tức sai. Thận tửu nhục ngũ tân cập ác mạ.

**đốt đưa khói vào trong lỗ mũi. Lại lấy bảy viên to như phân thỏ, đọc Chú hai mươi một lượt, nuốt, tức thì khỏi bệnh. Cần thận rượu thịt ngũ tân và mắng rủa ác.**

若取摩那屎羅(雄黃是也)，和白芥子印成鹽，呪三七遍，

Nhược thủ Ma na thị la (hùng hoàng thị dã), hòa bạch giới tử ấn thành diêm, đọc Chú tam thất biến,

**Hoặc lấy Hùng hoàng hòa với hạt củ cải trắng hòa thành muối, đọc Chú hai mươi một lượt,** 於病兒床下燒，其作病兒，即魔掣迸走，不敢住也。

ư bệnh nhi sàng hạ thieu, kỳ tác bệnh nhi, tức ma xé bình tẩu, bất cảm trú dã.

**với trẻ con bị bệnh, đốt dưới gầm giường, trẻ con bị bệnh đó, tức thì Ma kéo nhau bỏ chạy, chẳng dám ở lại nữa.**

若患耳聾者，呪胡麻油三七遍，著耳中，即差。

Nhược hoạn nhĩ lung giả, chú hồ ma du tam thất biến, trước nhĩ trung, tức sai.

**Nếu tai bị điếc, đọc Chú vào dầu vùng đen 21 lượt, đổ vào trong tai, tức thì khỏi bệnh.**

若患一邊偏風，耳鼻不通、手脚不隨者，取胡麻油，

Nhược hoạn nhất biên thiên phong, nhĩ tị bất thông、thủ cước bất tùy giả, thủ hồ ma du,

**Nếu bị gió lùa, tai mũi chẳng thông, tay chân chẳng thuận, lấy dầu vùng đen,**

煎青木香，呪三七遍，摩拭身上，永得除差。

tiên thanh mộc hương, chú tam thất biến, ma thức thân thượng, vĩnh đắc trừ sai.

**nấu mộc hương tươi, đọc Chú hai mươi một lượt, xoa sát lên thân, vĩnh viễn tiêu trừ.**

又方取純牛酥，呪三七遍，摩，亦差。若患難產者，

Hựu phương thủ thuần ngư tô, chú tam thất biến, ma, diệp sai. Nhược hoạn nan sản giả,

**Lại có cách khác dùng bơ (ché từ sữa bò), đọc Chú hai mươi một lượt, xoa, cũng khỏi. Hoặc sinh đẻ khó,**

取胡麻油，呪三七遍，摩產婦臍中及玉門中，即易生。

thủ hồ ma du, chú tam thất biến, ma sản phụ tề trung cập ngọc môn trung, tức dị sinh.

**lấy dầu vùng đen, đọc Chú hai mươi một lượt, xoa rôn người đẻ cùng với ngọc môn, tức thì sinh dễ.**

若婦人懷妊，子死腹中，取阿波末利伽草(牛膝草也)一大兩，清水二升和煎，

Nhược phụ nhân hoài nhâm, tử tử phúc trung, thủ A ba mặt lợi già thảo (ngư tất thảo dã) nhất đại lượng, thanh thủy nhị thăng hòa tiên,

**Nếu phụ nữ có mang, con bị chết trong bụng, lấy cây Ngưu tất, một lượng lớn, bỏ vào trong 2 lít nước sạch nấu lên,**

取一升，呪三七遍，服，即出一，無苦痛。胎衣不出者，亦服此藥，即差。

thủ nhất thăng , chú tam thất biến , phục , tức xuất nhất , vô khổ thống . Thai y bất xuất giả , diệp phục thủ dược , tức sái .

**lấy một lít, đọc Chú hai mươi một lượt , uống , tức thì xuất thai lưu, không còn đau khổ .**

**Người rau thai không ra, cũng uống thuốc này, tức thì khỏi.**

若卒患心痛不可忍者, 名“遁屍症”, 取君柱魯香(薰陸香), 乳頭成者一顆,

Nhược tốt hoạn tâm thống bất khả nhẫn giả , danh ‘độn thi chú’ thủ quân trụ lỗ hương (huân lục hương), nhũ đầu thành giả nhất khóa ,

**Nếu bị tim đau không thể gắng chịu , tên là ‘trón thây người chết’ lấy cỏ linh lăng, thành một hột như nùm vú ,**

呪三七遍, 口中嚼咽, 不限多少, 令變吐, 即差。慎五辛、酒肉。

chú tam thất biến , khẩu trung tước yết , bất hạn đa thiểu , linh biến thổ , tức sái . Thận ngũ tân 、 tử nhục .

**đọc Chú hai mươi một lượt, nhắm nháp trong cổ họng , không giới hạn nhiều ít, làm cho nôn ra, tức thì khỏi . Cần thận với ngũ tân rượu thịt.**

若被火燒瘡, 取熱瞿摩夷(烏牛屎也), 呪三七遍, 塗瘡上, 即差。

Nhược bị hỏa thiêu sang , thủ nhiệt Cồ-ma-di (ô ngu thi dã) , chú tam thất biến , đồ sang thượng , tức sái .

**Nếu bị lửa đốt thành vết thương , lấy phân quạ nóng , đọc Chú hai mươi một lượt, bôi lên vết thương , tức thì khỏi .**

若患蛔蟲齧心, 取骨魯末遮(白馬尿也)半升, 呪三七遍, 服, 即差。

Nhược hoạn hồi trùng giảo tâm , thủ cốt lỗ mạc già (bạch mã niệu dã) bán thăng , đọc Chú tam thất biến, phục, tức sái.

**Nếu bị trùng ở trong bụng các giống động vật cắn tâm , lấy nước đái ngựa trắng nửa lít , đọc Chú hai mươi một lượt, uống , tức thì khỏi .**

重者一升, 蟲如縲索出來。若患丁瘡者, 取凌鎖葉搗取汁,

trọng giả nhất thăng , trùng như 縲 sách xuất lai . Nhược hoạn đĩnh sang giả , thủ lăng tỏa diệp đảo thủ trấp ,

**Bệnh nặng một lít , trùng ở trong bụng sẽ bò ra . Nếu bị bệnh mụn đĩnh , lấy lá Lăng tỏa già lấy nước,**

呪三七遍, 瀝著瘡上, 即拔根出, 立差。若患蠅螫眼中,

chú tam thất biến , lịch trước sang thượng, tức bạt căn xuất , lập sái. Nhược hoạn đĩnh thích nhãn trung ,

**đọc Chú hai mươi một lượt , nhỏ lên nhọt đĩnh , tức thì lấy dược chân ra, lập tức khỏi . Nếu bị ruồi độc cắn mắt,**

骨魯怛佉(新驢屎也)瀉取汁, 呪三七遍, 夜臥著眼中, 即差。

cốt lỗ đát khư (tân lư thi dã) lự thủ trấp , chú tam thất biến, dạ ngọa trước nhãn trung , tức sái .

**phân lừa mới , lọc lấy nước, đọc Chú hai mươi một lượt, đêm nằm nhỏ vào mắt , tức thì khỏi .**

若患腹中痛, 和井華水和印成鹽三七顆, 呪三七遍, 服半升, 即差。

Nhược hoạn phúc trung thống, hòa tinh hoa thủy , hòa ấn thành diêm tam thất khóa, chú tam thất biến, phục bán thăng , tức sái .

**Nếu bị đau trong bụng , hòa hai mươi một hột muối vào nước của hoa thành nước muối , đọc Chú hai mươi một lượt, uống nửa lít, tức thì khỏi .**

若患赤眼者, 及眼中有努肉及有翳者, 取奢奢彌葉(苟杞葉也),

Nhược hoạn xích nhãn giả , cập nhãn trung hữu nỗ nhục cập hữu ế giả , thủ xa xa di diệp (cẩu kỷ diệp dã) ,

**Nếu bị đau mắt đỏ, cùng trong mắt có mộng thịt, cùng có đóm hoa, lấy lá cầu kỷ, 搗濾取汁, 呪三七遍, 浸青錢一宿, 更呪七遍, 著眼中, 即差。**

**đảo lự thủ trấp, chú tam thất biến, tẩm thanh tiền nhất tú, cánh Chú thất biến, trước nhãn trung, tức sai.**

**giã lọc lấy nước, đọc Chú hai mươi một lượt, tẩm một tiền dĩ đồng một đêm, lại đọc Chú bảy lượt, nhỏ vào trong mắt, tức thì khỏi.**

若患畏夜, 不安恐怖, 出入驚怕者, 取白線作索, 呪三七遍, 作二十一結, 繫項, 恐怖即除。非但除怖, 亦得滅罪。

**Nhược hoạn úy dạ, bất an khủng bố, xuất nhập kinh phạ giả, thủ bạch tuyến tác sách, chú tam thất biến, tác nhị thập nhất kết, hệ hạng, khủng bố tức trừ, phi dẫn trừ bố, diệt đắc diệt tội.**

**Nếu đêm lo sợ, sợ hãi không yên, kinh hãi khi ra vào, lấy chỉ khâu trắng bện thành dây thừng, đọc Chú hai mươi một lượt, làm thành 21 nút, buộc vào sau cổ, sợ hãi tức thì trừ hết. Không chỉ trừ hết sợ hãi, mà tội cũng diệt trừ.**

若家內橫起災難者, 取石榴枝, 寸截一千八段, 兩頭塗酥酪蜜,

**Nhược gia nội hoành khởi tai nạn giả, thủ thạch lự chi, thốn tiết nhất thiên bát đoạn, lưỡng đầu đồ tô lạc mật,**

**Nếu ở trong nhà khởi tai nạn bất ngờ, lấy cành thạch lự, cắt thành 1.008 đoạn dài khoảng 1 tấc, hai đầu bôi bơ sữa đặc mật,**

一呪一燒, 盡千八遍, 一切災難悉皆除滅, 要在佛前作之。

**nhất chú nhất thiêu, tận thiên bát biến, nhất thiết tai nạn tất giai trừ diệt, yếu tại Phật tiền tác chi.**

**đọc một lượt Chú đốt một đoạn, hết 1.008 lượt, tất cả tai nạn đều trừ diệt, điều cốt yếu là phải thực hiện ở trước Phật.**

若取白菖蒲, 呪三七遍, 繫著右臂上, 一切鬪處、論義處, 皆得勝他。

**Nhược thủ bạch xương bồ, chú tam thất biến, hệ trước hữu tý thượng, nhất thiết đấu xú、 luận nghĩa xú, giai đắc thắng tha.**

**Nếu lấy bạch xương bồ, đọc Chú hai mươi một lượt, buộc lên phần trên cánh tay phải, tất cả nơi tranh đấu nơi bàn luận, đều được tốt đẹp.**

若取奢奢彌葉枝柯, 寸截, 兩頭塗真牛酥、白蜜牛酥, 一呪一燒,

**Nhược thủ xa xa di diệp chi kha, thốn tiết, lưỡng đầu chân ngư tô、 bạch mật ngư tô, nhất chú nhất thiêu,**

**Nếu lấy nhánh lá Câu kỷ, cắt đoạn khoảng một tấc, hai đầu bôi tốt mật ong bơ, đọc một lượt Chú đốt một đoạn,**

盡一千八段, 日別三時, 時別一千八遍, 滿七日, 呪師自悟通智也。

**tận nhất thiên bát đoạn, nhật biệt tam thời, thời biệt nhất thiên bát biến, mãn thất nhật, chú sự tự ngộ thông trí dã.**

**hết 1.008 đoạn, ngày làm ba lần, mỗi lần 1.008 lượt Chú, đủ bảy ngày, thầy đọc Chú tự hiểu trí cũng thông.**

若欲降伏大力鬼神者, 取阿唎瑟迦柴(木患子也), 呪七七遍,

**Nhược dục hàng phục đại lực Quỷ Thần giả, thủ a lợi sắt ca sài (mộc hoạn tử dã), chú thất thất biến,**

**Nếu muốn hàng phục đại lực Quỷ Thần, lấy cành khô cây A lợi sắt ca (cây hoạn tử), đọc Chú bốn mươi chín lượt,**

火中燒, 還須塗酥酪蜜, 要須於大悲心像前作之。

**hỏa trung thiêu, hoàn tu đồ tô lạc mật, yếu tu ư Đại Bi tâm tượng tiền tác chi.**

**đốt cháy trong lửa, cần quét bơ sữa đặc mật lên, chủ yếu là phải làm trước tượng Đại Bi tâm .**  
若取胡嚧遮那(牛黃是也)一大兩，著瑠璃瓶中，置大悲心像前，呪一百八遍，

Nhược thủ hồ lô giá-na (ngưu hoàng thị dã) nhất đại lượng, trước lưu ly bình trung, trí Đại Bi tâm tượng tiền, chú nhất bách bát biến,

**Hoặc lấy hồ-lô giá-na (ngưu hoàng) một lượng, đổ vào trong bình thủy tinh, để trước tượng Đại Bi tâm, đọc chú 108 lượt,**

塗身、點額，一切天、龍、鬼、神、人及非人，皆悉歡喜也。

đồ thân、điểm ngạch, nhất thiết Thiên、Long、Quỷ、Thần、Nhân cập phi Nhân, giai tất hoan hỷ dã .

**bôi lên thân , chấm điểm lên trán, tất cả Trời Rồng Quỷ Thần Người và không phải Người, tất cả đều vui vẻ .**

若有身被枷鎖者，取白鴿糞，呪一百八遍，塗於手上，用摩枷鎖，枷鎖自脫也。

Nhược hữu thân bị già tỏa giả, thủ bạch cập phẩn, chú nhất bách bát biến, đồ ư thủ thượng, dụng ma già tỏa, già tỏa tự thoát dã.

**Nếu thân bị gông cùm, lấy phân bò câu trắng , đọc Chú 108 lượt, bôi lên trên tay, dùng xoa lên gông cùm, gông cùm cũng tự mở.**

若有夫婦不和，狀如水火者，取鴛鴦尾，於大悲心像前，呪一千八遍，帶，彼即終身歡喜相愛敬。

Nhược hữu phu phụ bất hòa, trạng như thủy hỏa giả, thủ uyên ương vĩ, ư Đại Bi tâm tượng tiền, chú nhất thiên bát biến, đới, bỉ tức chung thân hoan hỷ tương ái kính.

**Nếu chồng vợ bất hòa, tình trạng như nước với lửa, lấy lông đuôi chim uyên ương, ở trước tượng Đại Bi tâm, đọc Chú 1.008 lượt, đeo vào người, họ tức thời suốt đời vui vẻ hoà đồng yêu kính .**

若有被蟲食，田苗及五果子者，取淨灰、淨沙或淨水，呪三七遍，

Nhược hữu bị côn trùng thực, điền miêu cập ngũ quả tử giả, thủ tịnh hôi、tịnh sa hoặc tịnh thủy, chú tam thất biến,

**Nếu bị côn trùng phá hoại lúa, lúa non và quả ngũ vị, lấy tro sạch cát sạch hoặc nước sạch, đọc Chú 21lượt,**

散田苗四邊，蟲即退散也。果樹兼呪水灑者，樹上蟲不敢食果也。

tán điền miêu tứ biên, trùng tức thoái tán dã. Quả thụ kiêm chú thủy sái giả, thụ thượng trùng bất cảm thực quả dã .

**rắc tung ra bốn phía bờ ruộng, côn trùng tức thì đi hết. Cây ăn quả thêm nước và Chú thuốc phun lên cây quả, côn trùng trên cây cũng không dám ăn quả.**

佛告阿難：若為富饒，種種珍寶資具者，當於如意珠手。

Phật cáo A-nan : Nhược vị phú nhiêu, chủng chủng trân bảo tư cụ giả, đương ư như ý châu thủ.

**Phật bảo A-nan : Nếu vì sự giàu có, đủ nhiều loại châu báu tư trang, nên ở tay cầm châu Như ý.**

若為種種不安求安隱者，當於羈索手。若為腹中諸病，當於寶鉢手。

Nhược vị chủng chủng bất an cầu an ổn giả, đương ư quyển sách thủ. Nhược vị phúc trung chư bệnh, đương ư bảo bát thủ.

**Nếu vì nhiều sự không yên, cần cầu yên ổn, nên ở tay cầm quyển sách. Nếu vì trong bụng nhiều bệnh, nên ở tay cầm Bát báu.**

若為降伏一切魍魎鬼神者，當於寶劍手。若為降伏一切天魔神者，當於跋折羅手。

Nhược vị hàng phục nhất thiết võng lương Quỷ Thần giả, đương ư bảo kiếm thủ. Nhược vị hàng phục nhất thiết Thiên ma Thần giả, đương ư bạt chiết la thủ.

**Nếu vì hàng phục tất cả Quỷ Thần Ma núi, nên ở tay cầm gươm báu. Nếu vì hàng phục tất cả Thần Ma Trời, nên ở tay cầm Bạt-chiết-la .**

若為摧伏一切怨敵者，當於金剛杵手。

Nhược vị tội phục nhất thiết oán địch giả, đương ư Kim-cương chử thủ .

**Nếu vì hàng phục tất cả oán địch, nên ở tay cầm chày Kim-cương.**

若為一切處怖畏不安者，當於施無畏手。

Nhược vị nhất thiết xứ bố úy bất an giả, đương ư thí vô úy thủ.

**Nếu vì sợ hãi không yên ở khắp các nơi, nên ở tay bố thí không sợ hãi.**

若為眼闇無光明者，當於日精摩尼手。

Nhược vị nhân ám vô quang minh giả, đương ư nhật tinh ma ni thủ.

**Nếu vì mắt mờ tối không thấy ánh sáng, nên ở tay cầm châu mặt Trời như ý.**

若為熱毒病求清涼者，當於月精摩尼手。

Nhược vị nhiệt độc bệnh cầu thanh lương giả, đương ư nguyệt tinh ma ni thủ.

**Nếu vì bệnh nhiệt ác độc cầu mong mát lạnh, nên ở tay cầm châu mặt Trăng như ý.**

若為榮官益職者，當於寶弓手。

Nhược vị vinh quan ích chức giả, đương ư bảo cung thủ.

**Nếu vì vinh hoa quan tước lợi lộc, nên ở tay cầm cung báu.**

若為諸善朋友早相逢者，當於寶箭手。若為身上種種病者，當於楊枝手。

Nhược vị chư thiện bằng hữu tảo tương phùng giả, đương ư bảo tiễn thủ. Nhược vị thân thượng chủng chủng bệnh giả, đương ư dương chi thủ .

**Nếu vì sớm gặp bạn hữu thiện, nên ở tay cầm tên báu. Nếu vì trên thân nhiều bệnh tật, nên ở tay cầm cành dương liễu.**

若為除身上惡障難者，當於白拂手。

Nhược vị trừ thân thượng ác chướng nạn giả, đương ư bạch phát thủ .

**Nếu vì trừ hết ác chướng nạn ách trên thân, nên ở tay cầm phát trắng .**

若為一切善和眷屬者，當於胡瓶手。

Nhược vị nhất thiết thiện hòa quyến thuộc giả, đương ư hồ bình thủ .

**Nếu vì tất cả quyến thuộc thiện hòa, nên ở tay cầm bình đen.**

若為辟除一切虎狼豺豹諸惡獸者，當於旁牌手。

Nhược vị tích trừ nhất thiết hồ lang báo chư ác thú giả, đương ư bàng bài thủ .

**Nếu vì trừ tất cả cọp chó sói chó săn báo các giống thú ác, nên ở tay cầm thẻ bài.**

若為一切時處好離官難者，當於斧鉞手。

Nhược vị nhất thiết thời xứ hiếu ly quan nạn giả, đương ư phủ việt thủ .

**Nếu vì muốn mọi nơi mọi lúc xa lánh nạn quan, nên ở tay cầm búa lớn.**

若為男女僕使者，當於玉環手。若為種種功德者，當於白蓮華手。

Nhược vị nam nữ bộc sử giả, đương ư ngọc hoàn thủ . Nhược vị chủng chủng công đức giả, đương ư bạch liên hoa thủ .

**Nếu vì sai khiến trai gái đầy tớ, nên ở tay cầm ngọc hoàn . Nếu vì làm các công đức, nên ở tay cầm hoa Sen trắng .**

若為欲得往生十方淨土者，當於青蓮華手。若為大智慧者，當於寶鏡手。

Nhược vị dục đắc vãng sinh thập phương tịnh thổ giả, đương ư thanh liên hoa thủ . Nhược vị đại trí tuệ giả, đương ư bảo kính thủ .

**Nếu vì muốn được vãng sinh thập phương đất Phật, nên ở tay cầm hoa Sen xanh . Nếu vì đại Trí tuệ, nên ở tay cầm gương báu .**

若為面見十方一切諸佛者，當於紫蓮華手。

Nhược vị diện kiến thập phương nhất thiết chư Phật giả, đương ư tử liên hoa thủ.

**Nếu vì gặp mặt tất các Phật mười phương , nên ở tay hoa Sen sắc tía.**

若為地中伏藏者，當於寶篋手。若為仙道者，當於五色雲手。

Nhược vị địa trung phục tạng giả, đương ư bảo khiếp thủ . Nhược vị Tiên đạo giả , đương ư ngũ sắc vân thủ.

**Nếu vì Bảo tạng ẩn trong đất, nên ở tay cầm Bảo Khiếp ấn . Nếu vì đạo Tiên, nên ở tay có mây ngũ sắc .**

若為生梵天者，當於軍遲手。若為往生諸天宮者，當於紅蓮華手。

Nhược vị sinh Phạm Thiên giả , đương ư quân trì thủ . Nhược vị vãng sinh chư Thiên cung giả , đương ư hồng liên hoa thủ .

**Nếu vì sinh lên cõi Trời Phạm, nên ở tay cầm bình báu. Nếu vì vãng sinh các cung Trời , nên ở tay cầm hoa Sen hồng .**

若為辟除他方逆賊者，當於寶戟手。若為招呼一切諸天善神者，當於寶螺手。

Nhược vị tích trừ tha phương nghịch tặc giả , đương ư bảo kích thủ . Nhược vị triệu hô nhất thiết chư Thiên thiện thần giả , đương ư bảo loa thủ .

**Nếu vì trừ nghịch tặc của phương khác, nên ở tay cầm kích báu . Nếu vì kêu gọi tất cả các Thần thiện cõi Trời, nên ở tay cầm loa báu.**

若為使令一切鬼神者，當於髑髏杖手。若為十方諸佛速來授手者，當於數珠手。

Nhược vị sử linh nhất thiết Quỷ Thần giả , đương ư độc lâu trượng thủ . Nhược vị thập phương chư Phật tốc lai thụ thủ giả , đương ư số châu thủ .

**Nếu vì sai khiến tất cả Quỷ Thần, nên ở tay cầm gậy gắn hình đầu lâu. Nếu vì nhanh chóng được các Phật mười phương tới bắt tay, nên ở tay cầm lần chuỗi hạt.**

若為成就一切上妙梵音聲者，當於寶鐸手。若為口業辭辯巧妙者，當於寶印手。

Nhược vị thành tựu nhất thiết thượng diệu Phạm âm thanh giả , đương ư bảo đạc thủ . Nhược vị khẩu nghiệp từ biện xảo diệu giả , đương ư bảo ấn thủ .

**Nếu vì thành công tất cả thượng diệu tiếng Phạm, nên ở tay cầm mõ báu . Nếu vì lời nói văn hoa thiện xảo từ miệng, nên ở tay cầm ấn báu .**

若為善神龍王常來擁護者，當於俱尸鐵鉤手。

Nhược vị thiện thần Long-vương thường lai ủng hộ giả , đương ư câu thi thiết câu thủ .

**Nếu vì Thần thiện Long-vương thường lại ủng hộ, nên ở tay cầm lưới câu thép.**

若為慈悲覆護一切眾生者，當於錫杖手。

Nhược vị Từ Bi phúc hộ nhất thiết chúng sinh giả , đương ư tích trượng thủ .

**Nếu vì Từ Bi bảo hộ tất cả các chúng sinh, nên ở tay cầm gậy tầm xích.**

若為一切眾生常相恭敬愛念者，當於合掌手。

Nhược vị nhất thiết chúng sinh thường tương cung kính ái niệm giả , đương ư hợp chưởng thủ.

**Nếu vì tất cả chúng sinh thường tương hòa cung kính yêu mến, nên ở tay chấp tay.**

若為生生之眾不離諸佛邊者，當於化佛手。

Nhược vị sinh sinh chi chúng bất ly chư Phật biên giả . đương ư hóa Phật thủ.

**Nếu vì các chúng sinh sinh đời đời không li xa biên giới Phật, nên ở tay biến hóa ra Phật.**

若為生生世世常在佛宮殿中，不處胎藏中受身者，當於化宮殿手。

Nhược vị sinh sinh thế thế thường tại Phật cung điện trung , bất xử thai tạng trung thụ thân giả , đương ư hóa cung điện thủ,

**Nếu vì đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện của Phật, thân không bị ở trong thai tạng, nên ở tay có hóa ra cung điện.**

若為多聞廣學者，當於寶經手。若為從今身至佛身，

Nhược vị đa văn quảng học giả , đương ư bảo Kinh thủ . Nhược vị tông kim thân chí Phật thân ,



**Nếu vì học rộng nghe nhiều, nên ở tay cầm quyển Kinh báu . Nếu vì từ thân thể sắc vàng đến thân Phật,**

菩提心常不退轉者，當於不退金輪手。

**Bồ-đề tâm thường Bất-thoái-chuyển giả , đương ư bất thoái kim luân thủ.**

**tâm Bồ-đề Bất-thoái-chuyển , nên ở tay cầm bánh xe vàng Bất thoái .**

若為十方諸佛速來摩頂授記者，當於頂上化佛手。若為果蓏諸穀稼者，當於蒲萄手。

**Nhược vị thập phương chư Phật tốc lai ma đĩnh thụ ký giả, đương ư đĩnh thượng hóa Phật thủ .Nhược vị quả lỏa chư cốc giá giả, đương ư bồ đào thủ.**

**Nếu vì nhanh chóng được các Phật mười phương xoa đầu Chuyển bạc, nên ở tay hoá Phật trên đỉnh đầu. Nếu vì hoa quả mùa màng, nên ở tay cầm chùm quả nho.**

如是可求之法，有其千條，今粗略說少耳。

Như thị khả cầu chi Pháp, hữu kỳ thiên điều, kim thô lược thuyết thiểu nhĩ.

**Các Pháp có thể cầu được như thế, có cả nghìn điều, nay mới nói tóm tắt chút ít thể thôi.**

日光菩薩為受持大悲心陀羅尼者，說大神呪，而擁護之：

**Nhật quang Bồ-tát vị thụ trì đại bi tâm Đà-la-ni giả, thuyết Đại Thần chú, nhi ứng hộ chi:**

**Nhật quang Bồ-tát vì người ghi nhớ Đại Bi tâm Đà-la-ni, nói Đại Thần chú , mà ứng hộ:**

南無勃陀瞿那迷。南無達摩莫訶低。南無僧伽多夜泥。底哩部畢薩咄檐納摩

**Nam mô bột đà cù na mê. Nam mô Đạt-ma mạc ha đê . Nam mô tăng già đa dạ nê. Để lý bộ tát tát đốt diêm nạp ma.**

誦此呪，滅一切罪，亦能辟魔及除天災。

**Tụng thử chú, diệt nhất thiết tội, diệt năng tích ma cập trừ Thiên tai.**

**Tụng chú này, diệt tất cả tội, cũng có thể trừ ma và trừ hết tai Trời .**

若誦一遍，禮佛一拜，如是日別三時，誦呪禮佛，

**Nhược tụng nhất biến, lễ Phật nhất bái, như thị nhật biệt tam thời , tụng chú lễ Phật.**

**Nếu tụng một lượt, lễ Phật một lạy, như thế ngày ba lần khác biệt, tụng chú lễ Phật ,**

未來之世，所受身處，當得一一相貌端正，可喜果報。

**vị lai chi thế , sở thụ thân xứ , đương đắc nhất nhất tướng mạo đoan chính , khả hĩ quả báo . ở đời tương lai, nơi thân được sinh , sẽ được các tướng mạo xinh đẹp đoan nghiêm, quả báo vui vẻ.**

月光菩薩亦復為諸行人，說陀羅尼呪，而擁護之：

**Nguyệt quang Bồ-tát diệc phục vị chư hành nhân , thuyết Đà-la-ni chú, nhi ứng hộ chi :**

**Nguyệt Quang Bồ-tát cũng lại vì các người tu hành, nói Đà-la-ni chú mà ứng hộ :**

深低帝屠蘇吒。阿若蜜帝烏都吒。深耆吒。波賴帝。

**Thâm đề đế đô tô tra . A nhã mật đế ô đô tra. Thâm kỳ tra. Ba lại đế.**

耶彌若吒烏都吒。拘羅帝吒耆摩吒。沙婆訶

**Da di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sa bà ha.**

誦此呪五遍，取五色線，作呪索，痛處繫。

**Tụng thử chú ngũ biến, thủ ngũ sắc tuyến, tác chú sách, thống xứ hệ .**

**Tụng chú này năm lượt, lấy chỉ khâu ngũ sắc, vừa làm vừa đọc chú , buộc vào nơi đau.**

此呪乃是過去四十恒河沙諸佛所說，我今亦說。

**Thử chú nãi thị quá khứ tứ thập Hằng hà sa chư Phật sở thuyết, ngã kim diệc thuyết.**

**Chú này thậm chí 40 Hằng-hà-sa các Phật Quá khứ thuyết, con nay cũng nói .**

為諸行人，作擁護故，除一切障難故，除一切惡病痛故，

**Vị chư hành nhân , tác ứng hộ cố, trừ nhất thiết chướng nạn cố, trừ nhất thiết ác bệnh thống cố,**

**Cố vì các người tu hành, dùng để ủng hộ, trừ hết tất cả chương nạn, trừ hết tất cả các bệnh ác thống khổ.**

成就一切諸善法故，遠離一切諸怖畏故。佛告阿難：

thành tựu nhất thiết chư thiện Pháp cố, viễn ly nhất thiết chư bố úy cố . Phật cáo A-nan :

**vì thành công tất cả các Pháp thiện, rời bỏ xa tất cả các sợ hãi. Phật bảo A-nan :**

汝當深心清淨，受持此陀羅尼，廣宣流布於閻浮提，莫令斷絕。

Nhữ đương thâm tâm thanh tịnh, thu trì thử Đà-la-ni, quảng tuyên lưu bố ư Diêm-phù-đề , mạc linh đoạn tuyệt.

**Ngài nên phải tâm thanh tịnh thâm sâu, ghi nhớ Đà-la-ni này, tuyên bố rộng khắp ở Diêm-phù-đề, không để đoạn tuyệt.**

此陀羅尼，能大利益三界眾生，一切患苦縈身者，

Thử Đà-la-ni , năng Đại lợi ích Tam giới chúng sinh, nhất thiết hoạn khổ oanh thân giả,

**Đà-la-ni này, năng lợi ích lớn cho chúng sinh Ba cõi, tất cả hoạn nạn khổ đau lo âu,**

以此陀羅尼治之，無有不差者。此大神呪，

dĩ thử Đà-la-ni trị chi , vô hữu bất sai giả . Thử Đại Thần chú ,

**dùng Đà-la-ni này chữa trị tất cả, tất cả đều chính xác. Đại Thần chú này,**

呪乾枯樹，尚得生枝、柯、華、果，何況有情、有識眾生？

chú can khô thụ , thượng đắc sinh chi 、kha 、hoa 、quả , hà huống hữu tình 、hữu thức chúng sanh ?

**đọc Chú cho cành cây khô , còn sinh cành nhánh hoa quả, huống chi chúng sinh có tình cảm có nhận thức ?**

身有病患，治之不差者，必無是處。

Thân hữu bệnh hoạn , trị chi bất sai giả , tất vô thị xứ .

**Thân có bệnh hoạn nạn, chữa trị không khỏi, nhất định không có nơi này.**

善男子！此陀羅尼，威神之力，不可思議！不可思議！歎莫能盡。

Thiện nam tử ! Thử Đà-la-ni, uy thần chi lực, bất khả tư nghị ! bất khả tư nghị ! thán mạc năng tận .

**Người nam thiện ! Đà-la-ni này, uy thần và lực, không thể nghĩ bàn ! không thể nghĩ bàn ! ngợi khen không thể hết.**

若不過去久遠已來廣種善根，乃至名字不可得聞，何況得見？

Nhược bất quá khứ cửu viễn dĩ lai quảng chủng thiện căn , nãi chí danh tự bất khả đắc văn , hà huống đắc kiến ?

**Nếu không phải từ Quá khứ xa xưa đến nay trồng Căn thiện rộng khắp, thậm chí tên còn không được nghe, huống chi được thấy ?**

汝等大眾，天、人、龍、神，聞我讚歎，皆應隨喜。

Nhữ đẳng Đại chúng , Thiên Nhân Long Thần, văn Ngã tán thán , giai ưng tùy hỷ.

**Ngài và Đại chúng , Trời Người Rồng Thần , nghe Ta ca ngợi , đều nên vui theo.**

若有謗此呪者，即為謗彼九十九億恒河沙諸佛。

Nhược hữu báng thử Chú giả , tức vị báng bỉ cửu thập cửu ức Hằng hà sa chư Phật.

**Nếu chê bai báng bỏ Chú này, tức là chê bai báng bỏ chín mươi chín triệu Hằng-hà-sa các Phật .**

若於此陀羅尼，生疑不信者，當知其人，永失大利，百千萬劫，

Nhược ư thử Đà-la-ni , sinh nghi bất tín giả , đương tri kỳ nhân , vĩnh thất đại lợi , bách thiên vạn kiếp,

**Nếu với Đà-la-ni này, sinh nghi không tin, nên biết người đó, vĩnh viễn bỏ lợi ích lớn, trăm nghìn vạn kiếp,**

常淪惡趣，無有出期，常不見佛、不聞法、不覩僧。

thường luân ác thú, vô hữu xuất kỳ, thường bất kiến Phật, bất văn Pháp, bất đở Tăng.  
thường luân chuyển trong Ba đường dữ, không có ngày ra, thường không gặp Phật, không  
nghe Pháp, không gặp thấy Tăng.

一切眾會菩薩摩訶薩、金剛密跡、梵、釋、四天、

Nhất thiết chúng hội Bồ-Tát Ma-ha-tát、Kim cương mật tích、Phạm、Thích、Tứ thiên、

Tất cả các hội chúng Đại Bồ-Tát, Kim cương mật tích, Phạm Thích, 4 Thiên vương,

龍、鬼、神，聞佛如來讚歎此陀羅尼，皆悉歡喜，奉教修行。

Long、Quỷ、Thần, văn Phật Như Lai tán thán thử Đà-la-ni, giai tất hoan hỷ, phụng giáo tu  
hành.

Rồng Quỷ Thần, nghe Phật Như Lai ca ngợi Đà-la-ni này, tất cả đều vui mừng, thi hành tuân  
theo lời dạy.

千手千眼觀世音菩薩廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼經

Thiên thủ thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ-tát quảng đại viên mãn vô ngại Đại Bi tâm Đà-la-ni  
Kinh.

Kinh Nghìn mắt nghìn tay Quan Thế Âm Bồ-tát rộng lớn đầy đủ không trở ngại Đại Bi tâm  
Đà-la-ni.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiến Huyền

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 5/2009.

=====